



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOINT STOCK COMPANY



KẾT NỐI BỀN CHẶT
VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

BÁO CÁO | THƯỜNG NIÊN | **2013**



LPG, CNG, LNG Năng lượng từ thiên nhiên,
Thân thiện với môi trường



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG QUAN VỀ PV GAS SOUTH

- 09 Thông tin doanh nghiệp
- 10 Lịch sử phát triển
- 12 Các giải thưởng tiêu biểu
- 13 Lĩnh vực hoạt động và địa bàn kinh doanh
- 16 Một số sản phẩm chính
- 18 Năng lực kinh doanh
- 21 Vị thế Công ty
- 24 Mô hình hoạt động
- 25 Tổ chức và nhân sự
- 27 Thông tin Ban lãnh đạo

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

- 33 Tình hình sản xuất kinh doanh
- 35 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 36 Tình hình tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- 42 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 46 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc



NỘI LỰC VỮNG MẠNH

- 50 Các Công ty có liên quan
- 55 Hệ thống phân phối

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- 57 Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 59 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 60 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS, BTGD
- 61 Thông tin Cổ đông
- 63 Quản trị rủi ro

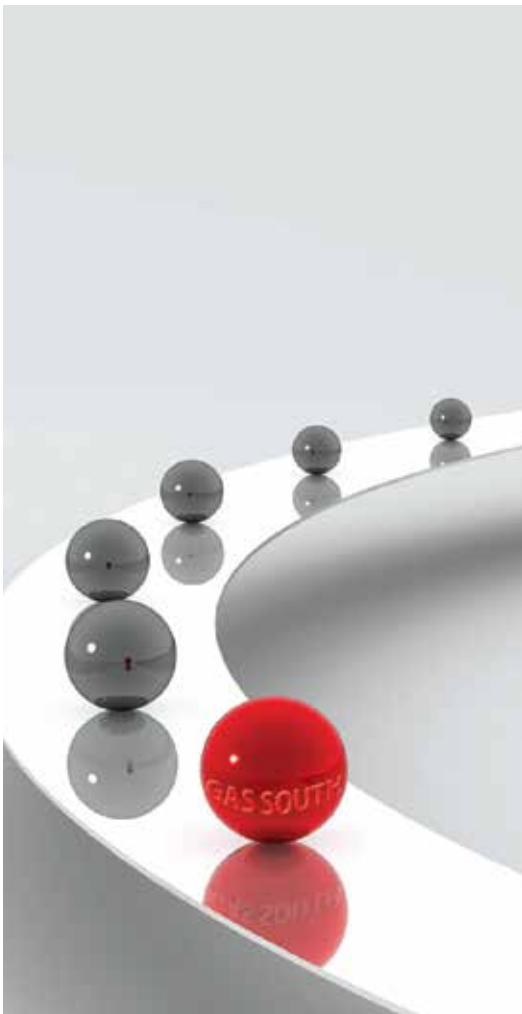
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2014

- 66 Mục tiêu - chiến lược
- 67 Kế hoạch năm 2014

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 72 Trách nhiệm với nhà đầu tư
- 72 Trách nhiệm với người lao động
- 74 Trách nhiệm với xã hội
- 74 Trách nhiệm với môi trường
- 75 Hoạt động xã hội

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2013



DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

LPG: Khí hóa lỏng (hay còn gọi là Gas)

CNG: Khí nén thiên nhiên

Khí khô: Sản phẩm khí thu được từ khí thiên nhiên hay khí đồng hành

PVN: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam

PV Gas: Tổng Công ty Khí Việt Nam

PV Gas D: Công ty CP Khí thấp áp

PV Gas South: Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam

CNG VietNam: Công ty CP CNG Việt Nam

VT-Gas: Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam

PV Gas SaiGon: Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông

PV Gas Cylinder: Nhà máy bình khí dầu khí Việt Nam - Chi nhánh PV Gas South

ĐHCD: Đại Hội Cổ Đông

ĐHĐCD: Đại Hội Đồng Cổ Đông

HĐQT: Hội Đồng Quản Trị

BKS: Ban Kiểm Soát

BTGD: Ban Tổng giám đốc

TGD: Tổng giám đốc

Phó TGD: Phó Tổng giám đốc

CB-CNV: Cán bộ công nhân viên

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông, Quý vị khách hàng!

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South – Mã chứng khoán: PGS) năm 2013 đã hoàn thành các nhiệm vụ của các Quý vị cổ đông giao phó. Tập thể lãnh đạo PV Gas South, các đơn vị thành viên, tập thể CB-CNV đã chèo lái con thuyền PV Gas South bắt đầu ra biển lớn. Năm 2013 là năm chúng ta khẳng định ý chí quyết tâm vượt qua thử thách sóng gió để con tàu PV Gas South đứng vững và tiến bước.

Năm qua tình hình kinh tế của Thế giới và Việt Nam vẫn tiếp tục còn nhiều khó khăn, hàng ngàn doanh nghiệp ngừng hoạt động, giá CP thế giới biến động khó dự báo càng làm cho các doanh nghiệp kinh doanh gas phải đối mặt với nhiều thách thức khốc liệt.

Trước những thách thức mới, Lãnh đạo PV Gas South đã tìm cho mình một cách đi đặc thù có tính chiến lược: Khai thác tối đa các lợi thế hiện có và tận dụng tốt những cơ hội mới. PV Gas South đã khai thác tốt cơ sở vật chất, hạ tầng của các kho cảng LPG, các hệ thống hiện có CNG, ngoài ra, Công ty đã mạnh dạn đầu tư mua 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Bình Khí Dầu Khí Việt Nam (PV Gas Cylinder); mua lại 45% phần vốn góp của Ủy ban Dầu Khí Thái Lan (PTT) tại Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT Gas) và hiện nay Công ty VT Gas là Công ty 100% vốn của PV Gas South. Việc đầu tư này đã nâng tầm vóc của PV Gas South lên một tầm cao mới trong làng kinh doanh Gas ở Việt Nam.



Năm 2013 PV Gas South đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra, cụ thể như sau :

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH/KH
Sản lượng LPG	Tấn	265.171	264.543	99,8%
Sản lượng CNG	Tr.M ³	125	141,9	113,5%
Doanh thu	Tỷ đồng	6.204	6.902	111,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	181,97	237,68	130,3%
Nộp ngân sách	Tỷ đồng		188,18	
Lãi cơ bản/cổphiếu	đ/cp	4.102	4.711	115%

Năm 2014 tình hình kinh tế có dấu hiệu hồi phục chậm, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức. Các doanh nghiệp thuộc Hiệp hội Gas Việt Nam đang tích cực đề nghị Chính phủ bổ sung sửa đổi Nghị định 107/CP để tăng cường công tác quản lý kinh doanh Gas đồng thời đẩy lùi vấn nạn gian lận thương mại trong tình hình mới.

PV Gas South phát huy những thành quả của những năm qua, tập trung vào những định hướng lớn sau cho năm 2014:

- 1) Duy trì thị phần bán lẻ LPG lớn nhất Việt Nam. Củng cố hệ thống phân phối, khai thác tốt kho cảng LPG, tiếp tục tăng trưởng thị phần bán lẻ.
- 2) Tiếp tục đầu tư hạ tầng cơ sở CNG, phát triển thị trường CNG cho Công nghiệp, Giao thông vận tải và các khu đô thị, nghiên cứu ứng dụng đưa LNG vào sử dụng cho giai đoạn tiếp theo.
- 3) Hoàn thiện đầu tư và nâng cấp Nhà máy bình khí PV Gas Cylinder và kho cảng Công ty VT Gas.

Năm 2014 cũng là năm quan trọng để PV Gas South triển khai công tác cán bộ, rà soát lại tổ chức một cách hiệu quả và cũng là năm chuẩn bị công tác chuyển giao thể hệ lãnh đạo sau 15 năm xây dựng và phát triển. Đảng ủy, Hội đồng Quản trị PV Gas South đã chuẩn bị chu đáo nhân lực, vật lực để thực hiện chiến lược phát triển của Công ty đến năm 2020 và định hướng cho những năm tiếp theo.

Thay mặt Tập thể Lãnh đạo và CB-CNV PV Gas South cảm ơn sự tín nhiệm của các cổ đông trong và ngoài nước đã tin tưởng chúng tôi với niềm tin vào thắng lợi và phát triển của PV Gas South.

Nhân dịp này Tôi chân thành cảm ơn Tập thể Đảng ủy, HĐQT, Ban TGD, Lãnh đạo các đơn vị thành viên, các Chi nhánh và toàn thể CB-CNV của PV Gas South đã hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất để Tôi hoàn thành sự nghiệp của mình tại PV Gas South.

Chúc Tập thể CB-CNV, các Đơn vị, các Chi nhánh hãy đoàn kết xung quanh Ban lãnh đạo Công ty phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2014 và những năm tiếp theo, tiếp tục đưa con tàu PV Gas South vượt qua sóng gió vươn tới chân trời của thắng lợi và vinh quang.

Chào thân ái và thắng lợi!

TS. NGUYỄN SĨ THẮNG
Chủ tịch HĐQT PV Gas South

TỔNG QUAN VỀ PV GAS SOUTH

- ❖ Thông tin doanh nghiệp
- ❖ Lịch sử phát triển
- ❖ Những giải thưởng tiêu biểu
- ❖ Lĩnh vực hoạt động và địa bàn kinh doanh
- ❖ Một số sản phẩm chính
- ❖ Năng lực kinh doanh
- ❖ Vị thế của Công ty
- ❖ Mô hình hoạt động
- ❖ Tổ chức và nhân sự



15 năm một hành trình phát triển...

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM (PV Gas South)

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOINT STOCK COMPANY



ISO 9001:2008

OHSAS 18001:2007

ISO 14001:2004

Trụ sở chính: Lầu 4, tòa nhà PetroVietnam,
Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM

Điện thoại: (84.8) 39100108 - 39100324

Fax: (84.8) 39100097 - 39100325

Website: <http://www.pgs.com.vn>

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0305097236

Vốn điều lệ: 380.000.000.000 đồng

Mã chứng khoán: PGS

Ngày niêm yết trên Hasc: 15/11/2007



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

2000

Tiền thân của PV Gas South

Ngày 28/03/2000, tiền thân của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam là Xí nghiệp Kinh doanh các sản phẩm Khí miền Nam trực thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí (PVGas) được thành lập theo Quyết định số 389/QĐ-HĐQT của Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

2006

PV Gas South thành lập

Ngày 12/04/2006, Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) ký Quyết định số 825/QĐ-DKVN về việc thành lập Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South) trên cơ sở Xí nghiệp Kinh doanh các sản phẩm Khí miền Nam trực thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí (PVGas) và Bộ phận Kinh doanh Khí hóa lỏng của Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim).

2007

PV Gas South chuyển đổi thành Công ty cổ phần

Ngày 23/07/2007, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tiến hành ĐHCĐ lần đầu. Sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý, Công ty chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 25/07/2007.

Cổ phiếu PV Gas South được niêm yết

Thực hiện Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị Công ty đã triển khai thực hiện các bước theo đúng quy định để niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội. Được đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí tư vấn, Công ty đã hoàn thiện Bản cáo bạch và các hồ sơ pháp lý để niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán.

Ngày 15/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu **PGS**.



2007 - 2013

PETROVIETNAMGAS-Thương hiệu được tin dùng

Từ ngày đầu thành lập vào năm 2000 với mức sản lượng kinh doanh chỉ khoảng 5.000 tấn và doanh thu 15 tỷ đồng/năm, sau hơn 14 năm hoạt động, với phương châm "**An toàn - Chất lượng - Hiệu quả**", Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam đã trở thành một trong những Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng hàng đầu tại Việt Nam. Mạng lưới kinh doanh của PV Gas South phủ khắp các tỉnh, thành khu vực phía Nam. Hiện nay, sản lượng kinh doanh của Công ty đã đạt trên 200.000 tấn/năm và doanh thu đạt trên 6.000 tỷ/năm và sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh trong thời gian tới.

Để phù hợp với xu hướng hội nhập toàn cầu và nâng cao hiệu quả quản lý cũng như đảm bảo an toàn trong công tác kinh doanh Khí hóa lỏng, PV Gas South đã xây dựng thành công và được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) công nhận và cấp chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và Hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007. Gần đây nhất, Công ty đã đạt chứng nhận Hệ thống quản lý tích hợp PAS 99:2006 và có hiệu lực từ tháng 3/2013 đến tháng 3/2016.

Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam đang triển khai đầu tư xây dựng hệ thống các kho chứa, trạm nạp khí hóa lỏng trên địa bàn các tỉnh phía Nam nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển thị trường, chủ động trong nguồn hàng và phục vụ nhu cầu của khách hàng.

Với chính sách kinh doanh "**luôn hướng tới khách hàng**", PV Gas South luôn là đối tác tin cậy của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, là thương hiệu uy tín của người tiêu dùng.



*“Kết nối
...để vươn xa”*



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Huân chương lao động Hạng Nhì, năm 2012



Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua, năm 2012



Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012

Top 50 Công ty hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam năm 2011, 2012



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực hoạt động :

Kinh doanh LPG, CNG và các sản phẩm Dầu khí.

Tổ chức hệ thống phân phối, vận chuyển, đóng bình kinh doanh LPG, CNG và các vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh vận tải đường bộ, đường thủy.

Thiết kế, xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí; chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng.

Cung cấp dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải.

Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và kinh doanh khí hóa lỏng.

Sản xuất bình khí, các dịch vụ sửa chữa bình khí theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế

Kinh doanh xăng dầu, nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng dầu, nhớt.

Mua bán phân bón; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.



Địa bàn kinh doanh:

PV Gas South hiện có mạng lưới kinh doanh rộng lớn cho cả hai phân khúc sản phẩm LPG và CNG.

Mạng lưới kinh doanh LPG của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh từ Đà Nẵng tới Cà Mau, bao gồm hệ thống các kho chứa, trạm nạp LPG trên địa bàn các tỉnh phía Nam. PV Gas South đã chú trọng xây dựng hệ thống chiết nạp vệ tinh phân bố đều khắp các thị trường miền Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, đồng thời xây dựng hệ thống tổng đại lý phân phối LPG, định kỳ gặp gỡ trao đổi các chính sách nhằm củng cố, đẩy mạnh và thống nhất mặt bằng giá cả, tăng cường hệ thống phân phối và khả năng cạnh tranh.

Đối với mảng kinh doanh CNG, PV Gas South hiện đang quản lý 3 trạm mẹ là CNG Mỹ Xuân A (Bà Rịa – Vũng Tàu), Hiệp Phước (Tp.HCM) và trạm nén mẹ Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) của Công ty con CNG VietNam với tổng công suất thiết kế là 160 triệu m³.

Khách hàng tiêu thụ chủ yếu của sản phẩm CNG là các hộ công nghiệp lớn như thép, vật liệu xây dựng, gạch, gốm sứ... tại khu vực phía Nam, có khoảng cách vận chuyển từ nhà máy đến nơi tiêu thụ trong khoảng dưới 200 km. Chính sách phân phối khí nén CNG hiện nay rất linh hoạt, tùy thuộc vào đặc điểm và yêu cầu nhận khí của khách hàng.

Chính hệ thống mạng lưới phân phối và kinh doanh trải rộng đã giúp PV Gas South phục vụ mục tiêu phát triển thị trường, chủ động trong nguồn hàng và phục vụ tốt nhu cầu của khách hàng.

Hệ thống các trạm chiết nạp LPG



Các vị trí của Trạm mẹ CNG





Dây chuyền sản xuất bình chứa LPG tại Nhà máy Bình khí Dầu khí

MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH

Sản phẩm Xăng/Dầu/Nhớt

Xăng dầu: Là nhiên liệu được chế biến từ công nghệ lọc hoá dầu. Xăng dầu có thể được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu. Chúng loại, chất lượng hàng hóa do nhà sản xuất quy định trên cơ sở nhu cầu xăng dầu thị trường và được phép lưu hành tại Việt Nam.

Nhớt/Mỡ: Là chất bôi trơn cho động cơ, được sản xuất chủ yếu từ dầu mỏ. Sản phẩm sau khi được chế biến được đóng vào các phuy, lon, hộp... để bảo quản và tiêu thụ trên thị trường. Mẫu mã, chủng loại, chất lượng sản phẩm do nhà sản xuất quy định dựa trên nhu cầu thị trường và được phép lưu hành tại Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh xăng dầu của PV Gas South được thực hiện chủ yếu dưới hình thức mua bán xăng dầu tại thị trường nội địa gồm trực tiếp bán buôn (bán sỉ) và bán lẻ.

Bán buôn: Hình thức bán hàng với số lượng lớn hoặc giao hàng bằng phương tiện chuyên dụng (xe bồn) cho khách hàng.

Bán lẻ: Hình thức bán hàng với số lượng nhỏ trực tiếp cho khách hàng tại các Cửa hàng Xăng dầu hoặc tại nơi khách hàng yêu cầu (theo thỏa thuận).

Sản phẩm CNG

CNG là khí thiên nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH₄ - metane (chiếm 85%- 95%) được lấy từ những mỏ khí thiên nhiên, mỏ dầu (khí đồng hành) hoặc khí nhà máy (thu được trong quá trình sản xuất của các nhà máy lọc dầu), qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar) để tồn trữ vào bồn chuyên dụng và vận chuyển tới các hộ tiêu thụ là các nhà máy có sử dụng nhiệt năng, các khu chung cư.... Do thành phần đơn giản dễ xử lý để loại bỏ các hợp chất độc hại như SO_x, NO_x, CO₂, không có benzene và hydrocarbon thơm kèm theo, nên khi đốt nhiên liệu này không giải phóng nhiều khí độc như SO₂, NO₂, CO..., và hầu như không phát sinh bụi. Vì vậy, sử dụng CNG thay thế các nhiên liệu truyền thống như than, dầu sẽ bảo vệ môi trường và giảm chi phí.





Bình 45kg

Sản phẩm LPG

Sản phẩm LPG Bình

Đối tượng sử dụng: Bình 45kg chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng ở quy mô nhỏ nhưng mật độ sử dụng nhiều như ở các nhà hàng, khách sạn, trường học, bếp ăn tập thể, các xưởng sản xuất có quy mô nhỏ hoặc vừa.

Trọng lượng vỏ: 37-40kg

Trọng lượng LPG : 45kg ± 200gram

Tiêu chuẩn chế tạo : DOT- 4WA - 240

Chất liệu vỏ bình : được chế tạo bằng thép nhập khẩu từ Nhật Bản đảm bảo đúng các tiêu chuẩn chế tạo DOT-4WA-240 và quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6292:1997. Bình có thể chịu được áp lực khi chứa và chuyên chở LPG ở trạng thái có áp suất, được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn, cho phép lưu thông và sử dụng.



Bình 12kg

Đối tượng sử dụng: Bình 12 kg chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng LPG ở quy mô nhỏ, lẻ như sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, quán ăn nhỏ, cho các hộ sản xuất sử dụng nguyên liệu gas nhỏ.

Trọng lượng vỏ: 13.5 – 14.5 kg

Trọng lượng LPG: 12kg ± 100 gram

Tiêu chuẩn chế tạo: DOT - 4BA - 240

Chất liệu vỏ bình: được chế tạo bằng thép nhập khẩu từ Nhật Bản đảm bảo đúng các tiêu chuẩn chế tạo DOT-4BA-240 và quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6292:1997. Bình có thể chịu được áp lực khi chứa và chuyên chở LPG ở trạng thái có áp suất, được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn, cho phép lưu thông và sử dụng.

Sản phẩm LPG rời

Sản phẩm LPG rời là dạng sản phẩm được PV Gas South bán cho các nhà máy, khu chế xuất, các công ty kinh doanh gas... ở dạng tàu hoặc xe bồn.

Gas trong bồn tại các kho/trạm của Công ty được bơm sang các xe bồn (của Công ty hoặc của Khách hàng)

Sản phẩm bình khí: 12kg và 45kg.





Hệ thống cầu cảng, kho LPG và trạm chiết của PV Gas South tại các tỉnh thành phía Nam



NĂNG LỰC KINH DOANH

Hiện nay, PV Gas South có 34 trạm chiết nạp LPG với tổng công suất 24.580 tấn/tháng từ Đà Nẵng đến Cà Mau, trong đó có 14 trạm chiết nạp thuộc sở hữu của PV Gas South với tổng công suất 8.000 tấn/tháng và 20 trạm chiết nạp thuê hàng tháng. Ngoài 14 trạm chiết nạp LPG, Công ty hiện sở hữu 04 kho chứa với sức chứa lên 7.700 tấn. Trong thời gian tới, PV Gas South chuẩn bị xây dựng thêm các kho chứa và trạm chiết tại các khu vực miền Trung, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ. Nâng tổng kho chứa lên thêm 6.000 tấn và công suất chiết nạp tăng thêm 8.300 tấn/tháng.

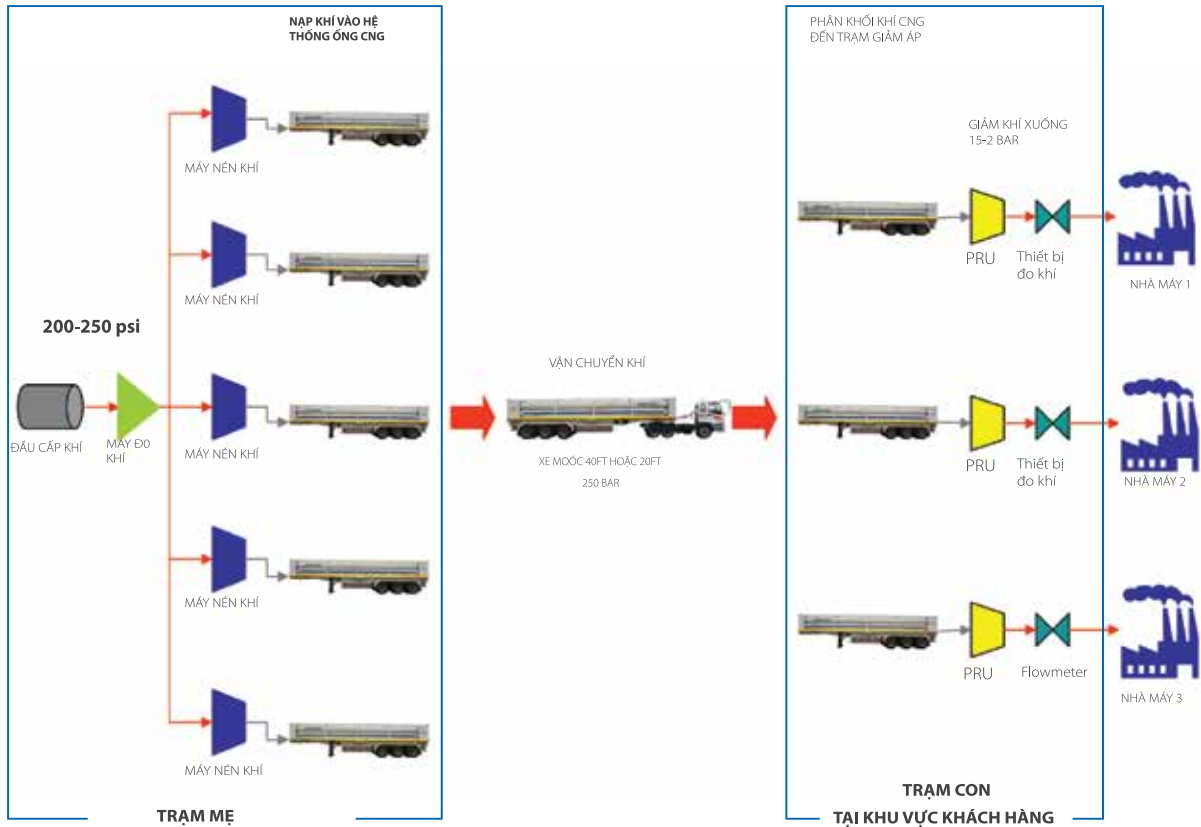
Cho đến nay, PV Gas South đã đầu tư hệ thống trạm nạp khí nén CNG cung cấp cho giao thông vận tải và công nghiệp. Đây là một lĩnh vực mới và đầy tiềm năng. Hiện công suất thiết kế là 190 triệu m³ khí/năm, trong đó công ty mẹ với 2 KCN Mỹ Xuân và KCN Hiệp Phước có công suất thiết kế lần lượt là 100 triệu m³ khí/năm và 20 triệu m³ khí/năm, còn công ty con CNG VietNam - KCN Phú Mỹ là 70 triệu m³ khí/năm.

Danh sách kho chứa và trạm chiết tại PVGas South

STT	Dự án	Địa chỉ	Tổng dung tích (Tấn)
I. Hệ thống kho chứa, cầu cảng			
1	Kho Cần Thơ	Lô II.5, II.6, Khu CN Trà Nóc II, TP. Cần Thơ	1.200
2	Kho Gò Dầu	Cảng Gò Dầu A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	4.000
3	Kho VT Gas Đồng Nai	Cảng Đồng Nai, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	1.000
4	Kho Dung Quất	Khu CN Phía đông Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	1.500
Tổng cộng			7.700
II. Trạm nạp LPG			Công suất Tấn/tháng
1	Trạm Vĩnh Lộc	Lô D1/1 đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hoà B, Q. Bình Tân, TP. HCM	1.000
2	Trạm Bà Rịa	Quốc lộ 55, khu phố Thanh Bình, Thị Trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	500
3	Trạm Agas	KCN Đông Xuyên, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	600
4	Trạm Cần Thơ	Lô II.5, II.6, Khu CN Trà Nóc II, TP. Cần Thơ	1.000
5	Trạm Tiền Giang	Khu CN Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Tiền Giang	350
6	Trạm Nha Trang	157 Xóm Núi, Xã Vinh Phương, TP. Nha Trang	450
7	Trạm Bình Định	Lô D6 -01, KCN Nhơn Hội (Khu A), KKT Nhơn Hội, TP. Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định	450
8	Trạm Đặng Phước	Lô 4, KCN Trà Đa, Xã Trà Đa, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	450
9	Trạm Bình Phước	Lô G, Đường N4, KCN Bắc Đồng Phú, TT Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước	450
10	Trạm JP Gas	262 Nguyễn Lương Bằng, Xã Hòa Thành, Tây Ninh	450
11	Trạm Dak Gas	Km số 11, Quốc lộ 14, Xã Hòa Phú, TP. Buôn Mê Thuột, Dak Lak	600
12	Trạm VT - Gas Đồng Nai	Cảng Đồng Nai, Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	1.100
13	Trạm VT - Gas Nha Trang	Đường số 4, Lô K, KCN Suối Dầu, TP. Nha Trang	400
14	Trạm VT - Gas Quảng Trị	KCN Quán Ngang, Gio Linh, Quảng Trị	350
Tổng cộng			8.150

PV Gas South đã đầu tư hệ thống trạm nạp khí nén CNG cung cấp cho giao thông vận tải và công nghiệp. Đây là một lĩnh vực mới và đầy tiềm năng. Hiện công suất thiết kế là 190 triệu m³ khí/năm, trong đó Công ty mẹ - KCN Mỹ Xuân là 100 triệu m³ khí/năm, Hiệp Phước là 20 triệu m³ khí/năm và Công ty con CNG VietNam - KCN Phú Mỹ là 70 triệu m³ khí/năm.

Dây chuyền cung cấp khí CNG tại PV Gas South



Hệ thống trạm mẹ và trạm con CNG tại PV Gas South

Đơn vị quản lý	Dự án	Tổng công suất (Triệu m ³ /năm)	Diễn giải
I. Trạm khí nén CNG mẹ			
Công ty mẹ PV Gas South	Trạm CNG KCN Mỹ Xuân	100	Hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2010 với công suất ban đầu 50 triệu m ³ , hiện đã mở rộng thêm.
Công ty mẹ PV Gas South	Trạm CNG KCN Hiệp Phước	20	Hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn 1 vào năm 2011.
Công ty cổ phần CNG Việt Nam	Trạm CNG KCN Phú Mỹ I	70	Hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2010 với công suất ban đầu là 50 triệu m ³ , hiện đã mở rộng thêm.
II. Trạm khí nén CNG con			
Công ty mẹ PV Gas South	Trạm CNG con (trạm nạp khí cho xe buýt) - Phổ Quang.	Công suất 50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2009.
Công ty mẹ PV Gas South	Trạm con tại 449 Nguyễn An Ninh, Vũng Tàu.	150 xe con/ngày	Đưa vào sử dụng cuối năm 2011.
Công ty mẹ PV Gas South	Trạm con tại 654 Nguyễn An Ninh, Vũng Tàu.	150 xe con/ngày	Hoàn thành vào giữa năm 2012.
Công ty mẹ PV Gas South	1 Trạm con tại Tân Kiên, Bình Chánh, TP. HCM.	50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm 2012.
Công ty mẹ PV Gas South	1 Trạm con tại An Sương, TP. HCM.	50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2012.
Công ty mẹ PV Gas South	1 Trạm con di động tại khu vực Phú Mỹ hoặc Mỹ Xuân.	100 xe con/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm 2012.
Công ty mẹ PV Gas South	1 trạm con tại Đại học Quốc gia, TP. HCM.	50 xe buýt/ngày	Hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2013.

VỊ THẾ CÔNG TY

Ngay từ khi thành lập, Công ty đã xác định mục tiêu chiến lược là phát triển thành đầu mối kinh doanh LPG tại thị trường Miền Nam, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành. Trong thời gian qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã phát triển không ngừng, tạo ảnh hưởng rõ ràng tới thị trường miền Nam, xây dựng được uy tín cho thương hiệu PETROVIETNAM GAS. Trong bối cảnh thị trường cung cấp LPG dân dụng (LPG bình) và công nghiệp (LPG rời) có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty tham gia thị trường như hiện nay, với sự góp mặt của các công ty nhiên liệu lớn trên thế giới, thị phần PV Gas South vẫn đứng đầu trong các công ty kinh doanh LPG tại miền Nam, giữ ổn định và luôn duy trì ở mức **trên 30%** nhờ vào một số ưu thế sau:

Nhân lực

PV Gas South có một lực lượng lao động lành nghề, có bằng cấp và kỹ thuật. Cán bộ-Công nhân viên của Công ty, đặc biệt là đội ngũ vận hành viên đều được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật chuyên ngành đầu khí, 100% công nhân vận hành được cấp chứng chỉ về kỹ thuật an toàn vận hành thiết bị chịu áp lực.

Công nghệ

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến chất lượng tăng trưởng, đảm bảo an toàn trong sản xuất, kinh doanh. Công ty đang áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, đặc biệt Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng thành công hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp (COS) góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tiết kiệm chi phí quản lý. Đặc biệt trong năm 2013, Công ty đã đạt chứng chỉ Hệ thống quản lý tích hợp PAS 99:2006 về Kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) và khí thiên nhiên nén (CNG).

Vị thế chi phối

Trong bối cảnh thị trường cung cấp LPG dân dụng (LPG bình) và công nghiệp (LPG rời) có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty tham gia thị trường, với sự góp mặt của các công ty nhiên liệu lớn trên thế giới, thị phần PV Gas South vẫn đứng đầu trong các công ty kinh doanh LPG tại miền Nam, ổn định, luôn duy trì ở mức trên 30% thị phần.

Như vậy, với lợi thế về nguồn hàng và tiềm lực tài chính của mình, nếu PV Gas South đầu tư kho cảng đầu mối và có chiến lược kinh doanh tốt, Công ty sẽ có cơ hội vươn lên chiếm lĩnh thị trường, giữ vững vị thế là doanh nghiệp có thị phần lớn nhất tại khu vực miền Nam.

Thương hiệu

Trong những năm qua, Công ty luôn chú trọng tìm tòi và triển khai các chính sách giá cả, chính sách phân phối, chính sách khách hàng hợp lý, vì vậy Công ty dần đã trở thành một trong những Công ty kinh doanh lớn tại thị trường phía Nam, khẳng định thương hiệu PETROVIETNAM GAS, góp phần đảm bảo sản xuất an toàn cho nhà máy xử lý khí Dinh Cố.



Bên cạnh việc kinh doanh Gas, Công ty cũng tiến hành việc kinh doanh các sản phẩm xăng, dầu, dầu nhớt, phụ kiện sử dụng Gas phục vụ sinh hoạt và công nghiệp, lắp đặt bảo hành bảo trì các hệ thống Gas công nghiệp, góp phần đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng thêm doanh thu cho Công ty.

Hệ thống phân phối

Mạng lưới kinh doanh LPG của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh thành phía Nam. Sản lượng bán lẻ LPG dân dụng đạt từ 12.000 tấn đến 12.500 tấn/tháng, sản lượng LPG công nghiệp từ 9.000 tấn đến 10.000 tấn/tháng đã khẳng định được vị trí thương hiệu PETROVIETNAM GAS trên thị trường phía Nam.

Thị trường bán bình ở Tp.Hồ Chí Minh và miền Đông Nam Bộ vẫn là thị trường chủ lực chiếm khoảng 50% sản lượng bán bình của Công ty. Công ty đã chú trọng xây dựng hệ thống chiết nạp vệ tinh phân bố đều khắp thị trường miền Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ; đồng thời xây dựng hệ thống tổng đại lý phân phối LPG, định kỳ gặp gỡ trao đổi các chính sách nhằm củng cố, đẩy mạnh và thống nhất mặt bằng giá cả, tăng cường khả năng cạnh tranh.

Với lợi thế tiềm lực tài chính của mình, công ty đã đầu tư kho cảng đầu mối và hệ thống phân phối LPG của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh thành phía Nam. Tổng sức chứa các kho hiện tại của PV Gas South vào khoảng 7.700 tấn và dự kiến tăng lên thêm 6.000 tấn cuối năm 2021.

Sự ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty khí Việt Nam

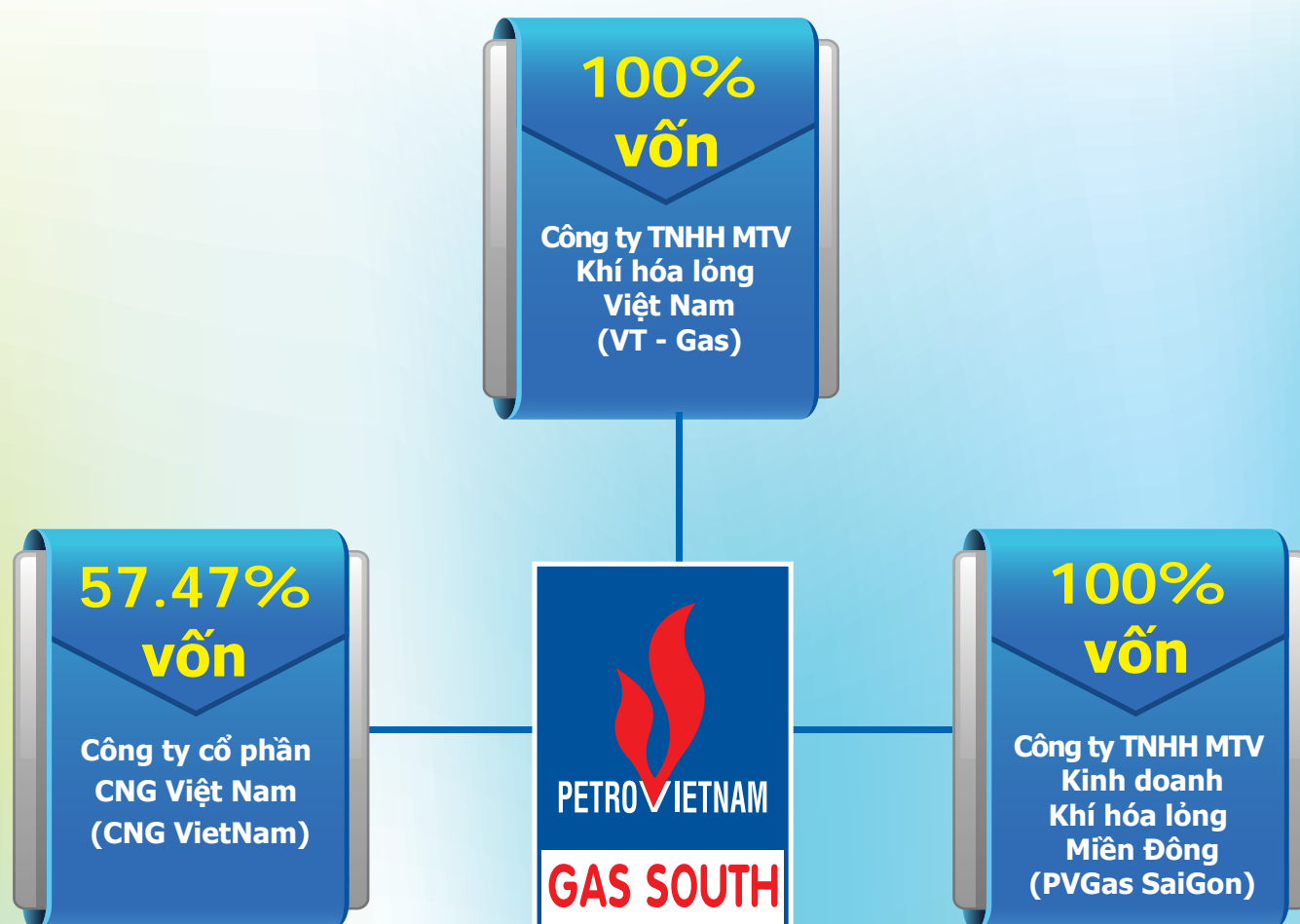
Là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) nên Công ty nhận được sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và được tham gia vào các dự án cũng như kinh doanh các sản phẩm của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Công ty có cơ hội để tiếp nhận, xử lý và kinh doanh nguồn LPG từ nhà máy Lọc dầu Dung Quất và các nhà máy lọc dầu khác khi đi vào hoạt động để đáp ứng nhu cầu LPG thị trường, tăng tính chủ động về nguồn hàng trong thị trường kinh doanh LPG toàn quốc.

Bên cạnh đó, Công ty còn được đảm bảo nguồn nguyên liệu và được ưu đãi khác khi lấy nguyên liệu từ các nhà máy lọc dầu, nhà máy khí trong Tập đoàn. Những thuận lợi trên cùng với việc Công ty hiện nay đang có một thị phần đáng kể (trên 30%) và có hệ thống đại lý phân phối rộng khắp khu vực sẽ đảm bảo cho Công ty có thể ngày càng mở rộng thị trường và phát triển ổn định, bền vững.





MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG



Hiện PV Gas South đang hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con. Tuy nhiên, từ nay cho đến hết năm 2015, theo Đề án "Tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) giai đoạn 2012 – 2015" của PETROVIETNAM, doanh nghiệp thành viên cấp III của PVN (trong trường hợp này là PV Gas South) không được tổ chức theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con. Lộ trình đặt ra đến hết 2015, doanh nghiệp thành viên cấp III phải thoái vốn tại doanh nghiệp cấp IV đang tồn tại hoặc chuyển sang hình thức khác phù hợp với Đề án tái cơ cấu trên. PV Gas South cũng đang tiến hành thay đổi mô hình hoạt động để đáp ứng yêu cầu của Tập đoàn.

Cụ thể trong năm 2013, Công ty đã mua lại 80% cổ phần của PV Gas Cylinder, chuyển đổi Công ty này từ Công ty liên kết sang đơn vị trực thuộc. Theo đó, chuyển thành Nhà máy bình khí Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh PV Gas South, chi nhánh này sẽ tiếp tục các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam. Sau khi mua 80% cổ phần của PV Gas Cylinder, PV Gas South hiện không có Công ty liên kết.

Đồng thời tiến hành mua lại 45% cổ phần của VT-Gas từ PTT để sở hữu hoàn toàn 100% cổ phần Công ty này, và chuyển thành Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam của PV Gas South.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**KHOẢ
ĐIỀU HÀNH**

**CHI NHÁNH
TRỰC THUỘC**

**CÔNG TY
THÀNH VIÊN**

Phòng
Tổ chức - Hành chính

Phòng
Tài chính - Kế toán

Phòng
Kế hoạch - Kinh doanh

Phòng
Kỹ thuật - Đầu tư - An toàn

Chi Nhánh Đồng Nai

Chi Nhánh Cần Thơ

Chi Nhánh Tiền Giang

Chi Nhánh Vĩnh Long

Chi Nhánh Cà Mau

Chi Nhánh Nha Trang

Chi Nhánh Ninh Thuận

Chi Nhánh Quảng Ngãi

Chi Nhánh Bình Định

Chi Nhánh Gia Lai

Chi Nhánh Đắk Lắk

Nhà máy bình khí Dầu khí VN
Chi Nhánh PVGas South

Công ty cổ phần
CNG Việt Nam

Công ty TNHH MTV khí hóa
lông Việt Nam (VT - Gas)

Công ty TNHH MTV
Kinh doanh Khí hóa lỏng
miền Đông (PV Gas Sài Gòn)

Chi Nhánh Sài Gòn

Chi Nhánh Vũng Tàu

Chi Nhánh Bình Phước

Chi Nhánh Tây Ninh

THÔNG TIN BAN LÃNH ĐẠO



Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Thắng

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1954

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ khoa học kỹ thuật

Chuyên ngành máy và thiết bị Dầu khí



Ông Đoàn Văn Nhuộm

Tv. HĐQT- Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư trắc địa



Ông Vũ Quý Hiệu

Tv. HĐQT- Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Cử nhân kinh tế



Ông Hà Anh Tuấn

Tv. HĐQT độc lập

Năm sinh: 1953

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa dầu, cử nhân kinh tế ngoại thương



Bà Nguyễn Minh Ngọc

Tv. HĐQT

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân tiếng Nga - Cử nhân quản lý kinh tế

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Thục Quyên

Trưởng Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân tài chính kế toán - Cử nhân anh văn



Ông Võ Đình Quang

Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật



Ông Ngô An Hòa

Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1984

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông Đoàn Văn Nhuộm

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư trắc địa



Ông Vũ Quý Hiệu

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Cử nhân kinh tế



Ông Vũ Văn Thực

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng



Ông Trần Văn Nghị

Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa vật lý



Ông Trần Thanh Nam

Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư công nghệ khoan khai thác Dầu khí



Ông Nguyễn Đăng Trình

Kế toán trưởng

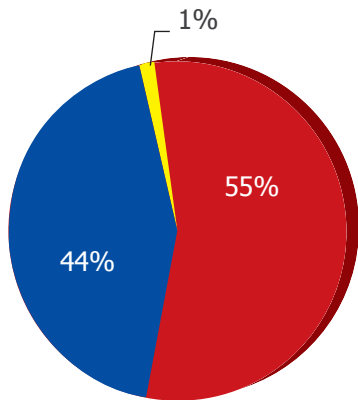
Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính – Ngân hàng.

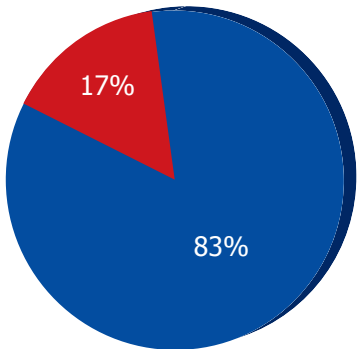
CƠ CẤU NGƯỜI LAO ĐỘNG

Cơ cấu lao động theo hợp đồng



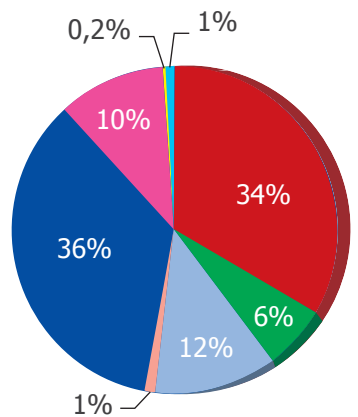
- Không xác định thời hạn
- Xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng
- Mùa vụ dưới 12 tháng

Cơ cấu lao động theo giới tính



- Nam
- Nữ

Cơ cấu lao động theo trình độ



- Tiến sĩ
- Cao đẳng
- Công nhân kỹ thuật
- Thạc sĩ
- Trung cấp
- Lao động phổ thông (không qua đào tạo)
- Đại học
- Sơ cấp

Tính đến thời điểm cuối năm 2013, tổng số cán bộ-công nhân viên trực thuộc PV Gas South và các đơn vị thành viên là 1.023 người, tăng 22 người so với thời điểm đầu năm. Nguyên nhân tăng số lao động là do tuyển mới lao động trong năm.

Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện tại PV Gas South đang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, gồm có 3 công ty thành viên là Công ty cổ phần CNG Việt Nam, Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT Gas), Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông (PVGas SaiGon), 1 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Bình khí Dầu Khí Việt Nam – Chi nhánh Công ty PV Gas South, 11 Chi nhánh trực thuộc công ty mẹ, 4 chi nhánh tại các công ty thành viên phân vùng quản lý và phát triển thị trường kinh doanh phía Nam từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam đã phấn đấu xây dựng sơ đồ tổ chức, định biên lao động phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Song song đó cũng tích cực hoàn thiện các quy chế, quy định, kiện toàn lại quy chế tổ chức và hoạt động các Phòng, Chi nhánh trực thuộc Công ty.

Chính sách lương

Công ty xây dựng và ban hành Quy chế Tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương bình quân tại PV Gas South năm 2013 là **11,6 triệu đồng/người/tháng**.

Công ty trả lương cho Người lao động theo kết quả và hiệu quả công việc, sử dụng tiền lương làm động lực để thúc đẩy Người lao động tích cực làm việc, hoàn thành tốt số lượng, chất lượng công việc được giao, tăng năng suất lao động, gia tăng sản lượng và thị phần, góp phần thực hiện các mục tiêu và phương hướng phát triển của Công ty.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Nhân lực là nguồn lực quan trọng và chủ yếu để xây dựng nên một doanh nghiệp vững mạnh. Nắm bắt được cơ sở này, PV Gas South luôn đặt mục tiêu thu hút người lao động có năng lực để cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Nhận thức được không chỉ cần đảm bảo nguồn lực hiện tại mà còn cần phát triển và tích lũy nguồn lực cho tương lai, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, qui hoạch cán bộ cho các chức danh kế thừa. Trong năm 2013 Công ty đã cử 956 lượt người tham dự các khóa đào tạo, trong đó chủ yếu là đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho người lao động.

QUY TRÌNH CHẾT NẠP GAS VÀO BÌNH
12 KG & 45 KG

1. Chuẩn bị bình

2. Kiểm tra bình

3. Kiểm tra van

4. Kiểm tra áp suất

5. Kiểm tra nhiệt độ

6. Kiểm tra màu sắc

7. Kiểm tra mùi

8. Kiểm tra tiếng ồn

9. Kiểm tra độ rung

10. Kiểm tra độ ẩm

11. Kiểm tra độ sáng

12. Kiểm tra độ trong suốt

13. Kiểm tra độ dẻo

14. Kiểm tra độ bền

15. Kiểm tra độ cứng

16. Kiểm tra độ đàn hồi

17. Kiểm tra độ dẫn nhiệt

18. Kiểm tra độ dẫn điện

19. Kiểm tra độ dẫn âm

20. Kiểm tra độ dẫn quang

21. Kiểm tra độ dẫn từ

22. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

23. Kiểm tra độ dẫn điện áp

24. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

25. Kiểm tra độ dẫn quang học

26. Kiểm tra độ dẫn từ trường

27. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

28. Kiểm tra độ dẫn điện áp

29. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

30. Kiểm tra độ dẫn quang học

31. Kiểm tra độ dẫn từ trường

32. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

33. Kiểm tra độ dẫn điện áp

34. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

35. Kiểm tra độ dẫn quang học

36. Kiểm tra độ dẫn từ trường

37. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

38. Kiểm tra độ dẫn điện áp

39. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

40. Kiểm tra độ dẫn quang học

41. Kiểm tra độ dẫn từ trường

42. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

43. Kiểm tra độ dẫn điện áp

44. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

45. Kiểm tra độ dẫn quang học

46. Kiểm tra độ dẫn từ trường

47. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

48. Kiểm tra độ dẫn điện áp

49. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

50. Kiểm tra độ dẫn quang học

51. Kiểm tra độ dẫn từ trường

52. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

53. Kiểm tra độ dẫn điện áp

54. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

55. Kiểm tra độ dẫn quang học

56. Kiểm tra độ dẫn từ trường

57. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

58. Kiểm tra độ dẫn điện áp

59. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

60. Kiểm tra độ dẫn quang học

61. Kiểm tra độ dẫn từ trường

62. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

63. Kiểm tra độ dẫn điện áp

64. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

65. Kiểm tra độ dẫn quang học

66. Kiểm tra độ dẫn từ trường

67. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

68. Kiểm tra độ dẫn điện áp

69. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

70. Kiểm tra độ dẫn quang học

71. Kiểm tra độ dẫn từ trường

72. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

73. Kiểm tra độ dẫn điện áp

74. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

75. Kiểm tra độ dẫn quang học

76. Kiểm tra độ dẫn từ trường

77. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

78. Kiểm tra độ dẫn điện áp

79. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

80. Kiểm tra độ dẫn quang học

81. Kiểm tra độ dẫn từ trường

82. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

83. Kiểm tra độ dẫn điện áp

84. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

85. Kiểm tra độ dẫn quang học

86. Kiểm tra độ dẫn từ trường

87. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

88. Kiểm tra độ dẫn điện áp

89. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

90. Kiểm tra độ dẫn quang học

91. Kiểm tra độ dẫn từ trường

92. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

93. Kiểm tra độ dẫn điện áp

94. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

95. Kiểm tra độ dẫn quang học

96. Kiểm tra độ dẫn từ trường

97. Kiểm tra độ dẫn nhiệt độ

98. Kiểm tra độ dẫn điện áp

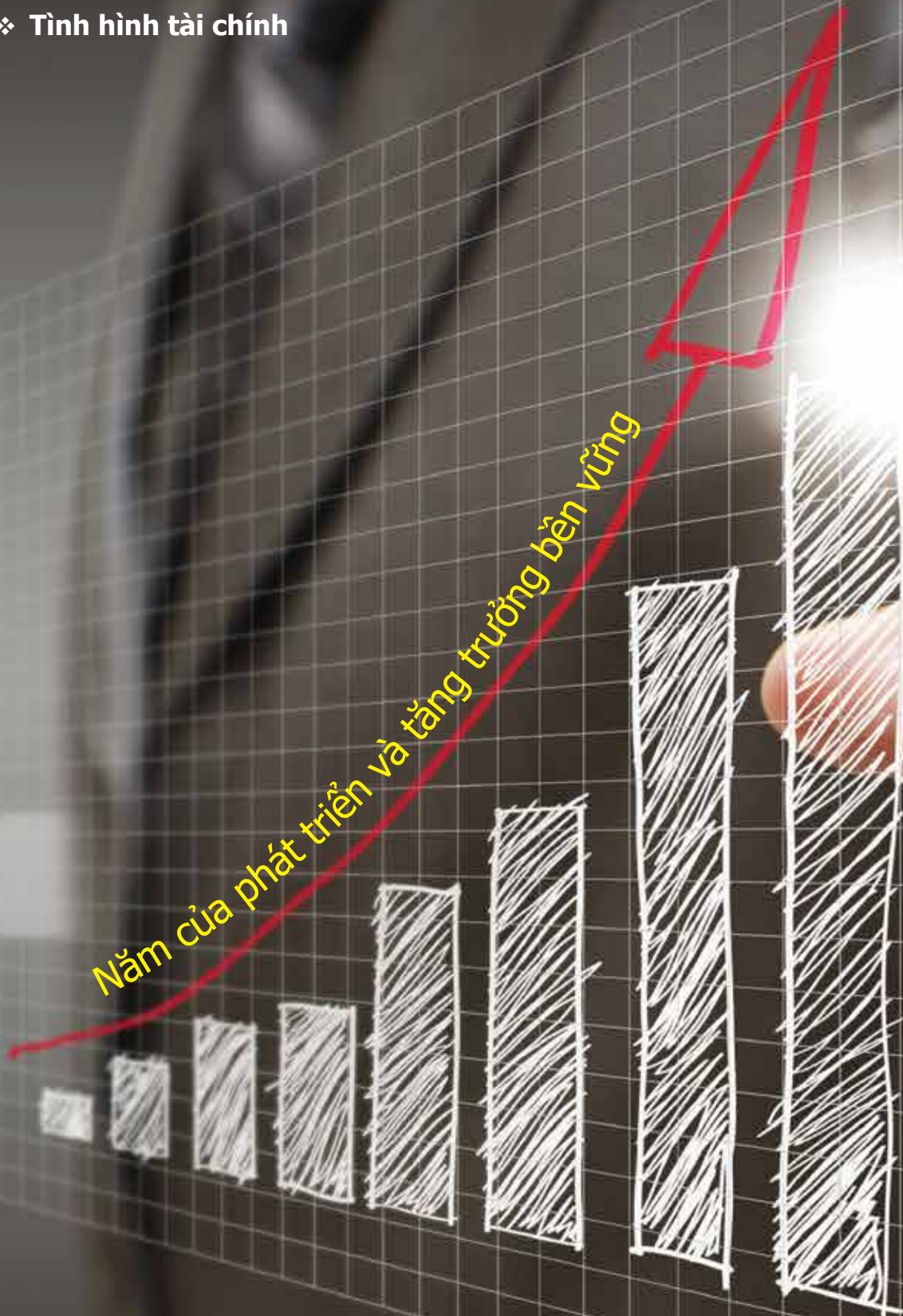
99. Kiểm tra độ dẫn âm lượng

100. Kiểm tra độ dẫn quang học



TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất và kinh doanh
- ❖ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng quan về tình hình hoạt động

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013 đã có nhiều chuyển biến tích cực đồng thời vẫn tồn tại những khó khăn thách thức. Trong hoàn cảnh vĩ mô đó, trong năm 2013 vừa qua, hoạt động sản xuất – kinh doanh của PV Gas South đã gặp những thuận lợi và khó khăn cơ bản sau:

Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ của Tập đoàn, Tổng Công ty trong việc đảm bảo cơ bản về nguồn hàng, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh.
- Chính sách, pháp luật Nhà nước ngày một hoàn thiện hơn tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, các doanh nghiệp chính đáng có điều kiện thuận lợi để phát triển.
- Hệ thống cơ sở vật chất của Công ty về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty chủ động hơn trong công tác tồn trữ hàng hóa và khai thác tối đa hiệu quả sử dụng kho chứa, trạm chiết hiện có.
- Thương hiệu PETROVIETNAM GAS có uy tín ngày càng tăng trên thị trường.
- Bộ máy tổ chức của Công ty ngày càng hoàn thiện, các đơn vị, chi nhánh trải rộng khắp các tỉnh thành theo khu vực thị trường.
- Tập thể Cán bộ Công nhân viên đoàn kết nhất trí, quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty giao.

Khó khăn:

- Giá CP thế giới trong các tháng đầu năm 2013 liên tục giảm do nhu cầu tiêu thụ khí đốt các vùng Tây Bắc Âu và nhu cầu dầu mỏ các quốc gia tiêu thụ nhiều dầu thô trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc ... giảm mạnh. Đồng thời, các hãng kinh doanh gas trên thị trường liên tục có các chính sách hỗ trợ mạnh cho đại lý, cửa hàng bán lẻ làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của PV Gas South.
- Tình hình kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ lạm phát và lãi suất cho vay vẫn đang ở mức cao, sản xuất đình trệ, nhiều doanh nghiệp bên bờ vực phá sản.
- Do giá CP thế giới biến động bất thường không theo quy luật và tình hình kinh tế khó khăn nên nhiều khách hàng tiêu thụ LPG chuyển sang sử dụng nhiên liệu thay thế khác với giá thành rẻ hơn như trấu, điện, than ...
- Tình hình gian lận thương mại trong kinh doanh LPG vẫn tồn tại ở hầu hết các khu vực thị trường trong khi khung xử phạt vi phạm hiện nay không đủ mạnh.



Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh 2013

Năm 2013, với sự nỗ lực lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên, PV Gas South đã phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 của PV Gas South đạt được như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	%TH/KH
Chỉ tiêu sản lượng				
Sản lượng LPG hợp nhất	Tấn	265.171	264.543	99,8%
LPG rời	Tấn	120.271	118.473	98,5%
LPG bình	Tấn	144.900	146.070	100,8%
PV Gas South	Tấn	208.171	212.312	102,0%
LPG rời	Tấn	100.000	102.535	102,5%
LPG bình	Tấn	108.171	109.777	101,5%
VT Gas	Tấn	57.000	52.231	91,6%
LPG rời	Tấn	20.271	15.938	78,6%
LPG bình	Tấn	36.729	36.293	98,8%
Sản lượng CNG hợp nhất	M³	125.000.000	141.898.100	113,5%
PV Gas South	M ³	65.000.000	79.520.141	122,3%
CNG Việt Nam	M ³	60.000.000	62.377.959	104,0%
Xăng dầu	Lít	5.000.000	4.530.457	90,6%
Chỉ tiêu Tài chính hợp nhất				
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	380,00	380,00	100,0%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.204,26	6.901,99	111,25%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	209,50	278,11	132,75%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	181,97	237,68	130,61%
Chỉ tiêu Tài chính PV Gas South				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.382,44	5.525,57	102,66%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	107,54	170,86	158,88%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91,41	155,27	169,86%

Sản lượng LPG năm 2013 của PV Gas South đạt 264.543 tấn hoàn thành 99,8% kế hoạch (Công ty mẹ đạt 212.312 tấn hoàn thành 102% kế hoạch).

Trong đó, sản lượng LPG rời đạt 118,473 tấn hoàn thành 98,5% kế hoạch (Công ty mẹ đạt 102,535 tấn hoàn thành 102,5% kế hoạch), sản lượng LPG bình đạt 146,070 tấn hoàn thành 100,8% kế hoạch, chiếm 34% thị phần bán lẻ phía Nam (Công ty mẹ đạt 109,777 tấn hoàn thành 101,5% kế hoạch).

Sản lượng xăng dầu đạt 4,530,457 lít hoàn thành 90,06% kế hoạch.

Sản lượng CNG đạt 141.898.100 m³, đạt 113,5% kế hoạch (Công ty mẹ đạt 79.520.141 m³, hoàn thành 122,3% kế hoạch).

Nhìn chung các chỉ tiêu về sản lượng sản phẩm của toàn Công ty đặc biệt là Công ty mẹ đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Riêng sản lượng LPG hợp nhất và sản lượng xăng dầu chưa đạt chỉ tiêu nhưng mức thiếu hụt không lớn, do ảnh hưởng chung của thị trường khi các khách hàng đặc biệt là khách hàng công nghiệp giảm tiêu thụ hay chuyển sang sử dụng các sản phẩm khác tiết kiệm hơn khiến mức cạnh tranh trên thị trường cao và doanh số của Công ty sụt giảm. Thay vào đó, sản lượng CNG của Công ty mẹ lại vượt 20,6% do trong năm công ty đã kí kết được nhiều hợp đồng cung cấp CNG mới. Sự tăng trưởng trong mảng kinh doanh có biên lợi nhuận cao này sẽ là một tiền đề quan trọng cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.

Ngoài ra, các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận của PV Gas South trong năm 2013 cũng đạt được kết quả rất khả quan. Theo đó, tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 6.901,99 tỷ đồng, đạt 111,25% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 278 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 237 tỷ, lần lượt vượt 32,7% và 30,6% kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ cũng đều vượt kế hoạch cho năm 2013, trong đó lợi nhuận sau thuế đạt 155,27 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch 70%.

Có thể thấy được trong năm 2013, hoạt động kinh doanh của PV Gas South nhìn chung đạt được sự ổn định và tăng trưởng so với năm 2012. Trong điều kiện nền kinh tế và đặc thù ngành còn nhiều khó khăn thách thức, Công ty có thể đạt được những thành quả trên là nhờ:

- PV Gas South đã xây dựng, quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động của Công ty trên cơ sở triển khai thực hiện các Nghị quyết và chỉ đạo của Tập đoàn/Tổng công ty.
- Công ty thực hiện việc tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm từ những kết quả đạt được năm 2012 để đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2013.
- Lãnh đạo PV Gas South thường xuyên làm việc với các đơn vị, chi nhánh trực thuộc để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, chi nhánh.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Việc triển khai đầu tư và thực hiện các dự án là một công tác cần thiết cho việc mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời tạo sự nhảy bậc trong doanh thu và lợi nhuận trong tương lai. Năm 2013, PV Gas South đã thực hiện các dự án với tổng mức đầu tư cho xây dựng cơ bản năm 2013 được duyệt là 27,56 tỷ đồng. Cụ thể:

1. Tiến hành các bước chuẩn bị đầu tư dự án di dời nhà máy bình khí PVGas Clinder.
2. Triển khai dự án Cung cấp CNG cho các phương tiện giao thông vận tải (Đưa vào sử dụng 01 trạm con tại Đại học Quốc Gia vào cuối năm 2013 và chuyển đổi thêm gần 100 xe taxi).
3. Thuê mua tài chính máy nén CNG dự phòng cho trạm nén CNG Hiệp Phước.
4. Thuê mua tài chính hệ thống thiết bị sử dụng nhiên liệu CNG tại Công ty Thép Nguyễn Minh và Sojits.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH PV GAS SOUTH NĂM 2013

CHỈ TIÊU	2012	2013	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	2.921,34	3.069,73	105,08%
Doanh thu thuần	6.374,94	6.901,99	108,27%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	236,51	257,57	108,9%
Lợi nhuận khác	18,38	20,54	111,76%
Lợi nhuận trước thuế	255,06	278,11	109,04%
Lợi nhuận sau thuế	211,79	237,68	112,22%
Tỷ lệ cổ tức	12%	15%	125%

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH PV GAS SOUTH NĂM 2013

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG	2012	2013
Số ngày lưu kho bình quân	64,12	42,13
Doanh thu thuần/tổng tài sản	2,06	2,30

CƠ CẤU VỐN	2012	2013
Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,62
Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,33	2,09

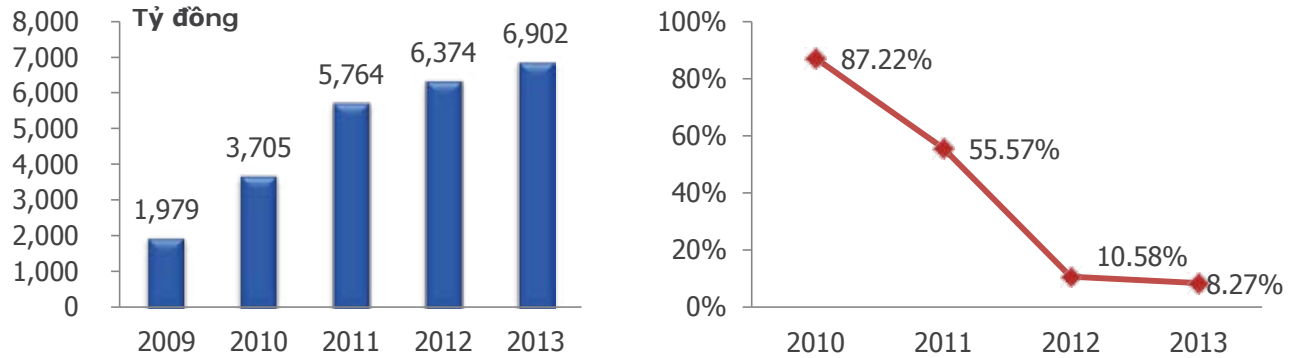
KHẢ NĂNG THANH TOÁN	2012	2013
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,85	1,07
Hệ số thanh toán nhanh	0,76	0,94
Khả năng trả lãi vay	3,17	5,57

KHẢ NĂNG SINH LỜI	2012	2013
LNST/Doanh thu thuần	3,32%	3,44%
LNST/vốn chủ sở hữu	26,14%	27,57%
LNST/Tổng tài sản	6,83%	7,93%



Các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần:



Doanh thu và tăng trưởng doanh thu của PV Gas South qua các năm

Doanh thu của PV Gas South tăng đều và ổn định qua các năm, đặc biệt trong giai đoạn từ năm 2009 khi Công ty bổ sung thêm mảng kinh doanh khí nén CNG đã giúp cải thiện đáng kể hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng doanh thu bắt đầu chậm lại

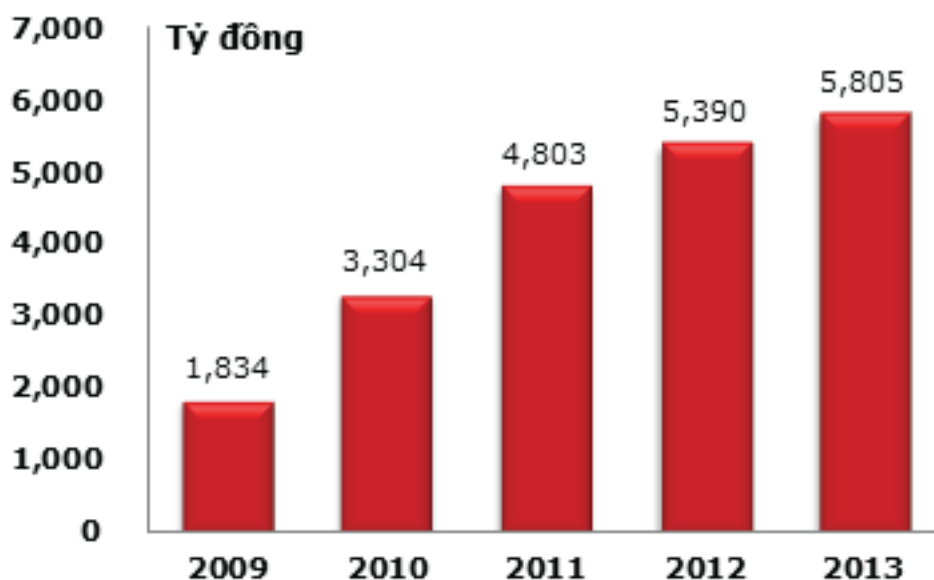
Trong năm 2013, doanh thu thuần của PV Gas South đạt 6.902 tỷ đồng, tăng 527 tỷ đồng so với năm 2012, tốc độ tăng trưởng tương ứng đạt 8,27%, thấp hơn cùng kỳ 2,31% và thấp hơn 78,95% so với mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây vào năm 2010 là 87,22%.

Có sự sụt giảm trong tốc độ tăng trưởng doanh thu là do một số khó khăn trong mảng kinh doanh LPG, vốn là mảng kinh doanh truyền thống, chiếm tỉ trọng doanh thu cao của Công ty: 1. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường LPG đến từ sự xuất hiện ngày càng nhiều các đối thủ tầm cỡ như các tập đoàn đa quốc gia và sự cạnh tranh không lành mạnh của các đối tượng sang chiết gas lậu trên thị trường hiện nay; 2. Bên cạnh đó, diễn biến giá LPG biến động liên tục và theo xu hướng tăng trong tình hình nền kinh tế chưa hoàn toàn hồi phục, các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn đã khiến các khách hàng giảm thiểu tiêu thụ các sản phẩm LPG và tìm kiếm các nguồn năng lượng chi phí thấp khác. Những nguyên nhân trên đã tác động không tốt đến tình hình kinh doanh LPG của Công ty, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh nói chung.

Dù tốc độ tăng trưởng đang có xu hướng giảm nhưng chỉ tiêu doanh thu của PV Gas South trong năm 2013 vẫn vượt kế hoạch 11,25% và cho thấy những triển vọng phát triển trong tương lai nhờ 1. Sự cải thiện trong sản lượng kinh doanh CNG từ khách hàng hiện tại và có thêm nhiều khách hàng ký mới, mức sản lượng tiêu thụ CNG tăng so với cùng kỳ; 2. Giá bán LPG và CNG (theo nhiên liệu so sánh với giá LPG) cải thiện trong năm 2013 nhờ giá LPG trên thị trường thế giới tháng 12/2013 tăng; 3. Năm 2013, chính sách giá bán CNG tốt hơn năm ngoái với mức trung bình từ 16-17 USD/MMBTU so với 14-15 USD/MMBTU trong năm 2012.

Nhìn chung, sản lượng kinh doanh và doanh thu của Công ty vẫn tăng ổn định và có triển vọng bứt phá trong những năm tới nhờ sự hồi phục của nền kinh tế vĩ mô cũng như hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Giá vốn hàng bán

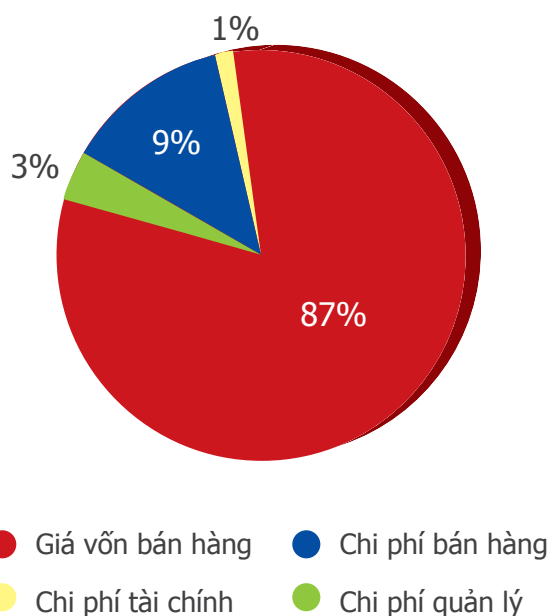


Giá vốn hàng bán luôn là loại chi phí có tỉ trọng cao nhất so với doanh thu thuần của PV Gas South, thể hiện đặc trưng của doanh nghiệp kinh doanh thương mại các sản phẩm khí. Năm 2013 tổng giá vốn hàng bán của Công ty là 5.805 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 84% so với doanh thu thuần. Tỉ lệ này đang có xu hướng giảm qua các năm nhờ Công ty đã chủ động tìm kiếm nguồn hàng giá rẻ đồng thời chú trọng đầu tư, nâng cấp các hệ thống kho chứa để chủ động được nguồn hàng, hạn chế những ảnh hưởng không tốt từ diễn biến giá trên thị trường.

Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Nhìn chung chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng tăng qua các năm. Nguyên nhân do chiến lược mở rộng thị phần khu vực phía Nam lên 50% đến năm 2015 và sức ép cạnh tranh trên thị trường cũng như việc mở rộng sản xuất kinh doanh đòi hỏi mức chi phí cao hơn cho việc quản lý bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Mức chi phí cũng tăng đồng thời với việc tăng trưởng doanh thu.

Riêng về chi phí tài chính, đặc biệt là chi phí lãi vay trong năm 2013 giảm mạnh so với năm 2012 do xu hướng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay của thị trường (từ 13-17%/năm xuống còn 8-12%/năm).



Bảng dưới đây thể hiện cơ cấu chi phí của PV Gas South giai đoạn 2009 - 2013

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần	92,72%	89,19%	83,33%	84,56%	84,12%
Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	0,93%	1,30%	2,33%	2,28%	1,17%
Trong đó: Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	0,64%	0,87%	2,12%	1,84%	0,88%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	5,13%	4,80%	6,49%	7,98%	9,03%
Chi phí quản lý DN/ Doanh thu thuần	0,63%	1,68%	2,10%	2,09%	2,45%

Các chỉ số tài chính quan trọng

Khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời	2009	2010	2011	2012	2013
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	7,28%	10,81%	16,67%	15,44%	15,88%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế (%)	5,43%	8,42%	6,82%	4,00%	4,03%
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	2,02%	7,41%	5,95%	3,32%	3,44%
ROE (%)	22,47%	101,20%	65,25%	26,14%	27,57%
ROA (%)	3,89%	14,78%	12,32%	6,83%	7,93%

Trong năm 2013, hầu hết tất cả các chỉ số tỷ suất sinh lợi của PV Gas South đều tăng so với năm 2012. Trong đó, tỷ suất lợi nhuận gộp đang có xu hướng tăng trong 5 năm gần nhất nhờ Công ty mở rộng hoạt động sang mảng kinh doanh CNG có lợi nhuận gộp cao.

Các Công ty kinh doanh LPG và CNG nói chung đang phải chịu áp lực từ sự cạnh tranh và giá khí đầu vào sẽ tăng từ nay cho đến năm 2017 theo lộ trình tăng giá khí của Chính phủ. Để giữ vững thị phần, các Công ty trong đó có PV Gas South phải hạ giá bán, thực hiện nhiều chương trình ưu đãi cho các đại lý và khách hàng khiến các loại chi phí tăng cao làm ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận. Do đó, việc tỷ suất lợi nhuận gộp của PV Gas South trong năm 2013 tăng so với năm 2012 trong điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn chứng tỏ Công ty đã hoạt động có hiệu quả hơn, tìm kiếm được nhiều khách hàng mới và bán được hàng với mức giá tốt hơn.

Dù hầu hết các chi phí giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng đều tăng so với năm 2012 nhưng tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế của PV Gas South vẫn tăng so với cùng kỳ. Cụ thể tỷ suất lợi nhuận trước thuế trong năm 2013 tăng 0,3% và tỷ suất lợi nhuận ròng năm 2013 tăng 0,12% so với cùng kỳ. Bên cạnh việc cải thiện hiệu quả kinh doanh như đã đề cập ở trên, việc chi phí tài chính trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay giảm mạnh trong năm 2013 cũng là một nguyên nhân khiến tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế tăng lên.

Suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) của Công ty trong năm 2013 đạt 7,93%, tăng nhẹ so với năm 2012 trong khi giá trị tài sản của năm 2013 tăng so với cùng kỳ nhờ lợi nhuận của Công ty được cải thiện trong năm qua. Tính từ giai đoạn năm 2008 đến nay, chỉ số sinh lời ROA của Công ty tăng mạnh nhất trong giai đoạn từ 2008-2011, những năm tiếp theo có tỉ lệ thấp hơn do Công ty thực hiện chiến lược mở rộng thị trường, đòi hỏi nhu cầu đầu tư lớn xây dựng các hệ thống trạm chiết nạp, kho chứa, xe bồn vận chuyển... làm tăng giá trị tổng tài sản qua các năm.

Trong năm 2013, Công ty tiếp tục hoạt động hiệu quả trong giai đoạn nền kinh tế còn nhiều khó khăn. Điều này làm cho vốn chủ sở hữu và lợi nhuận Công ty đều tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận cao hơn sự tăng trưởng của nguồn vốn chủ sở hữu làm ROE của Công ty tăng nhẹ trong năm 2013 đạt 27,57% tăng hơn 1,43% so với năm 2012.

Nhìn chung, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty được giữ ổn định qua các năm và đang ở mức cao khi so sánh tương quan trong ngành.

Khả năng thanh toán

KHẢ NĂNG THANH TOÁN	2012	2013
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,85	1,07
Hệ số thanh toán nhanh	0,76	0,94
Khả năng trả lãi vay	3,17	5,57

Các hệ số thanh toán nhanh và thanh toán ngắn hạn của PV Gas South đã được cải thiện so với năm 2012 và đang ở mức khá an toàn. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và phải trả khác chiếm tỉ trọng lớn nhất do đặc trưng kinh doanh thương mại nên nhu cầu vốn lưu động của Công ty khá lớn, bên cạnh đó, nhờ sự hỗ trợ của tập đoàn PVN nên Công ty có thể duy trì các khoản mục phải trả cao hơn so với các Công ty cùng ngành. Năm 2013, tốc độ tăng tài sản lưu động của Công ty nhanh hơn tốc độ tăng nợ ngắn hạn đã góp phần nâng cao các chỉ số thanh toán.

Đặc biệt, khả năng trả lãi vay của Công ty tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ do lợi nhuận trước thuế tăng và chi phí lãi vay giảm mạnh theo xu hướng của thị trường.

Đánh giá chung cho năm 2013 khả năng chi trả của PV Gas South là khá lí tưởng và điều này sẽ là động lực giúp Công ty dễ dàng hơn trong việc huy động vốn duy trì và mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh.

Tỷ suất hoạt động 2013

Hiệu quả hoạt động	2009	2010	2011	2012	2013
Số ngày tồn kho bình quân	8,02	10,38	6,66	5,69	8,66
Kỳ thu tiền bình quân	58,12	47,71	38,34	29,98	35,63
Thời gian trả tiền bình quân	157,43	76,29	70,09	60,65	58,72
Vòng quay tổng tài sản (lần)	1,92	1,99	2,16	2,06	2,30

Kỳ trả tiền bình quân của công ty luôn ở mức cao do nhận được sự hỗ trợ từ tập đoàn và các đơn vị thành viên cùng tập đoàn. Bắt đầu từ năm 2010 Công ty mở rộng sang hoạt động sản xuất và kinh doanh CNG nên các khoản phải trả tăng lên khiến kỳ trả tiền bình quân ngắn lại. Tuy nhiên, kỳ thu tiền bình quân vẫn ở mức thấp hơn nhiều so với thời gian phải trả cho người bán, điều này tạo ra lợi thế trong việc luân chuyển vốn lưu động của công ty.

Riêng trong năm 2013, số ngày tồn kho và kỳ thu tiền bình quân của Công ty tăng nhẹ do giá trị hàng tồn kho tăng 65.3% và các khoản phải thu tăng 55% so với cùng kỳ. Mức độ tăng số ngày tồn kho và kỳ thu tiền không tăng mạnh bằng mức độ tăng tài sản ngắn hạn nên có thể nói việc quản lý hai khoản mục này của Công ty vẫn rất hiệu quả. Giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu tăng là do tăng doanh thu, sản lượng và nới lỏng chính sách bán hàng của Công ty để cạnh tranh với các Công ty cùng ngành trong giai đoạn nền kinh tế còn khó khăn.

Vòng quay tổng tài sản của công ty luôn duy trì ở mức ổn định, với 1 đồng tài sản luôn tạo ra trung bình 2 đồng doanh thu qua các năm. Như vậy, các chỉ số về mặt hiệu quả hoạt động của công ty đang thể hiện tốt.

Tỷ lệ trả cổ tức 2013

Mức cổ tức năm 2013 sẽ được trả theo phương án phân phối lợi nhuận được quyết định tại phiên họp ĐHCĐ thường niên 2013, cổ tức cho cả năm 2013 là 12% bằng tiền mặt trên vốn điều lệ của năm 2012. Dự kiến sẽ trình ĐHCĐ thường niên 2014 thông qua mức cổ tức năm 2013 là 15% bằng tiền mặt.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- ❖ Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
- ❖ Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc



Năm của tầm nhìn và chiến lược hiệu quả

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá tình hình kinh doanh năm 2013

Kết quả sản xuất kinh doanh:

Kết quả sản suất kinh doanh đạt được năm 2013 của PVGas South (hợp nhất):

Chỉ tiêu	Đvt	2012	KH 2013	TH 2013	2013/ 2012	Tỷ lệ TH/KH (%)
Sản lượng						
Sản lượng CNG	Tấn	250.921	265.171	264.543	105,43%	99,76%
- LPG bình	Tấn	139.116	144.900	146.070	105,00%	100,81%
- LPG rời	Tấn	111.805	120.271	118.473	105,96%	98,51%
Sản lượng CNG	M ³	116.761.454	125.000.000	141.898.100	121,53%	113,50%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	6.375	6.204,26	6.901,99	108,27%	111,25%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	255	209,50	278,11	109,06%	132,75%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	212	181,00	237,68	112,11%	131,31%
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	Tỷ đồng	151	91,41	155,27	102,83%	169,86%

Năm 2013, Công ty cổ phần kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh. Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty giữa 2 kỳ ĐHCĐ, HĐQT đánh giá những kết quả đáng chú ý của Công ty như sau:

- Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh: 6.901,99 tỷ đồng, đạt 111,25 % kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 278 tỷ đồng, đạt 132.8% kế hoạch.

Đánh giá chung trong năm 2013 giá CP thế giới trong các tháng đầu năm 2013 liên tục giảm do nhu cầu tiêu thụ khí đốt các vùng Tây Bắc Âu và nhu cầu dầu mỏ các quốc gia tiêu thụ nhiều dầu thô trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc ... giảm mạnh. Đồng thời, các hãng kinh doanh gas trên thị trường liên tục có các chính sách hỗ trợ mạnh cho đại lý, cửa hàng bán lẻ làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của PV Gas South.

Tình hình kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ lạm phát và lãi suất cho vay vẫn đang ở mức cao, sản xuất đình trệ, nhiều doanh nghiệp bên bờ vực phá sản. Nguyên nhân chính do giá CP thế giới biến động bất thường không theo quy luật và tình hình kinh tế khó khăn nên nhiều khách hàng tiêu thụ LPG chuyển sang sử dụng nhiên liệu thay thế khác với giá thành rẻ hơn như biomass, điện, than ...

Tình hình gian lận thương mại trong kinh doanh LPG vẫn tồn tại ở hầu hết các khu vực thị trường trong khi khung xử phạt vi phạm hiện nay không đủ mạnh.

Năm 2013 là một năm nhiều khó khăn thách thức đối với Công ty PV Gas South, nhưng với sự nỗ lực lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên, PV Gas South đã phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013, thực hiện đúng các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, xây dựng và đưa Công ty phát triển theo đúng định hướng đã thông qua.

Năm 2013 mặc dù tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn như đã đề cập ở trên, nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đặc biệt lợi nhuận trước thuế đạt 132,8% so với kế hoạch, doanh thu đạt 111% kế hoạch trong điều kiện kinh doanh rất khó khăn là sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể Cán bộ - Công nhân viên và lãnh đạo Công ty và sự hỗ trợ của Tập đoàn dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Ý thức được việc mở rộng, đầu tư phát triển các dự án mới có ý nghĩa hết sức quan trọng cho sự tăng trưởng bền vững của Công ty, Ban Quản trị luôn đề ra những phương hướng, kế hoạch cụ thể trong việc xúc tiến thực hiện các dự án mới nhằm tối đa hóa giá trị của Công ty và nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường. Cụ thể trong năm 2013, Ban Quản trị đã thông qua các Nghị quyết liên quan đến công tác đầu tư xây dựng cơ bản như sau:

- Thông qua chủ trương mua cổ phần của PV Gas và các cổ đông tại PV Gas Cylinder
- Thông qua việc thành lập công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam (PV Gas Cylinder)
- Thông qua việc bổ sung Dự án di dời Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh PV Gas South vào Kế hoạch đầu tư 2013
- Thông qua việc mua lại phần vốn của Ủy ban Dầu Khí Thái Lan tại PV Gas
- Thông qua việc vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Kết quả là trong năm 2013 Công ty đạt được những tiến độ trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản như sau:

- Đang tiến hành các bước chuẩn bị đầu tư dự án di dời nhà máy bình khí
- Tiếp tục triển khai dự án Cung cấp CNG cho các phương tiện giao thông vận tải (chuẩn bị đưa vào sử dụng 01 trạm con tại Đại học Quốc Gia và chuyển đổi thêm gần 100 xe taxi).

Tài chính, nguồn vốn

Hoạt động đầu tư hệ thống kho chứa làm công ty vay nợ nhiều, tuy nhiên trong những năm gần đây, cơ cấu nguồn vốn của công ty đang ở mức rất an toàn với tỷ lệ nợ vay (ngắn hạn và dài hạn) giảm dần từ mức 81% trong năm 2008 xuống còn 59% trong năm 2013. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu đang tăng ổn định qua từng năm do hoạt động kinh doanh ổn định của công ty. Đồng thời công ty có xu hướng trả bớt nợ vay để cơ cấu nguồn vốn và giảm áp lực trả lãi vay. Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng các khoản phải trả người bán và nợ vay ngắn hạn chiếm ưu thế (chiếm 72,8% tổng nợ phải trả). Điều này phản ánh hoạt động kinh doanh của công ty, với đặc điểm kinh doanh thương mại, công ty cần nhiều vốn trong ngắn hạn để phục vụ nhu cầu vốn lưu động. Nhu cầu vốn lưu động mỗi năm của công ty ở mức 150 tỷ, bù đắp chủ yếu nhờ đi vay.

Tổ chức và nhân sự

Hội Đồng Quản Trị luôn chú ý xây dựng các chính sách về tổ chức và nhân sự sao cho phát huy được tối đa tiềm năng nguồn lực - tiềm năng đóng vai trò quyết định trong sự phát triển và thành công của Công ty. Trong năm 2013, mức lương bình quân của Cán bộ - Công nhân viên của Công ty là 11,6 triệu đồng/người/tháng.

Đồng thời cũng chú trọng tổ chức các đợt huấn luyện đào tạo nhằm nâng cao tay nghề và trình độ của người lao động. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản Trị cũng quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ nhân viên bằng cách luôn đảm bảo chế độ lương thưởng, phúc lợi cho người lao động.

Mô hình tổ chức và nhân sự của Công ty ngày càng được hoàn thiện chặt chẽ để nâng cao chất lượng vận hành toàn bộ máy sản xuất kinh doanh.

Quản trị rủi ro

Trong quá trình sản xuất kinh doanh đặc biệt là kinh doanh ngành khí không thể tránh khỏi một số rủi ro, bao gồm các rủi ro chung của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tình hình tài chính như lãi suất, chênh lệch tỷ giá... Bên cạnh đó còn có một số rủi ro khác thuộc về đặc trưng ngành như mức độ cạnh tranh, các sự cố về cháy nổ, khả năng tiêu thụ... Những rủi ro này có xác suất xảy ra cao và sẽ tạo ảnh hưởng không tốt thậm chí là nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty nếu không có phương pháp quản trị phù hợp.

Nhận thức được điều này, Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả bằng cách nhận định rõ những nguy cơ phải đối mặt đồng thời có phương pháp quản trị hiệu quả cho từng loại rủi ro nhằm phòng tránh và giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Về công tác giám sát công tác điều hành đồng chí Tổng giám đốc, HĐQT đánh giá năm qua đồng chí Tổng giám đốc đã thực hiện tốt các chiến lược, Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, cùng với tập thể lãnh đạo góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động Sản xuất – Kinh doanh của Công ty năm 2013.

Kế hoạch hoạt động năm 2014

Năm 2014, HĐQT dự kiến kế hoạch hoạt động chung như sau:

Về công tác quản lý

Chỉ đạo Công ty và triển khai công tác quản lý tập trung vào những việc lớn sau :

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Làm việc với Ban Tổng giám đốc, các Chi nhánh, các đơn vị để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ năm 2014;
- Tiếp tục nghiên cứu, duy trì và phát triển ứng dụng của khí thiên nhiên nén (CNG) trong giao thông vận tải và trong lĩnh vực công nghiệp... thay thế cho các loại nhiên liệu khác.
- Nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, tiêu thụ LNG (cho giao thông vận tải cũng như công nghiệp), góp phần đưa LNG vào sử dụng như một dòng sản phẩm mới của Công ty.
- Tiếp tục công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành, các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Hoàn thành việc di dời nhà máy bình khí PVGas Clinder.
- Kế hoạch di dời kho VT Gas.
- Hoàn thành mua 10 module chứa khí CNG.

Các công tác khác

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và bất thường, gồm 4 phiên họp thường kỳ trong 4 quý và các phiên họp bất thường khác nếu có. Ở các phiên họp này HĐQT sẽ nghe các báo cáo, kiến nghị của Tổng giám đốc; thảo luận, thông qua các báo cáo, đề án, dự án, kế hoạch, chính sách... trong hoạt động SXKD của Công ty.
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các thành viên HĐQT thảo luận và thông qua các nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp qua việc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và phiếu ý kiến bằng văn bản.
- Triển khai công việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình kinh doanh năm 2013

Hoạt động kinh doanh LPG

Trong năm 2013, doanh thu lĩnh vực kinh doanh LPG là 4.865 tỷ đồng, chiếm 69% tổng doanh thu. Theo đó, tăng 139 tỷ đồng tương ứng tăng 2.94% so với năm trước. Mặc dù có tăng trưởng trong doanh thu nhưng mức tăng trưởng không cao như năm trước đồng thời tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu cũng giảm chứng tỏ tình hình kinh doanh LPG trong năm 2013 còn nhiều khó khăn. Giá CP thế giới trong năm 2013 liên tục biến động, giảm liên tục ở giai đoạn đầu năm và đột ngột tăng cao vào giai đoạn cuối năm vừa tác động tiêu cực đến chính sách giá của Công ty vừa ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng. Do đó, số lượng khách hàng chuyển sang sử dụng các loại nhiên liệu thay thế giá rẻ tăng lên và sự xuất hiện ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh khiến mảng kinh doanh LPG của Công ty gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên nhìn tổng thể, sản lượng và doanh thu của mảng kinh doanh truyền thống này vẫn đạt được tăng trưởng trong điều kiện còn nhiều trở ngại và giữ được sự ổn định so với các doanh nghiệp trong ngành. Đó là nhờ Công ty đã đầu tư hệ thống kho chứa lớn nên có thể chủ động trong việc đối phó với giá khí đầu vào biến động cùng với những chính sách, biện pháp hỗ trợ kịp thời của Ban lãnh đạo và sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ - công nhân viên của PV Gas South.

Hoạt động kinh doanh CNG

Hoạt động kinh doanh mảng CNG của PV Gas South trong năm 2013 khá khả quan. Doanh thu kinh doanh CNG trong năm 2013 là 2.042 tỷ đồng, tăng 477 tỷ đồng, tương ứng tăng 30,5%. Sản lượng tiêu thụ vượt 12,6% kế hoạch đề ra. Tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu mảng này tăng 5% từ 24% trong năm 2012 lên 29% trong năm 2013.

CNG là nguồn nhiên liệu sạch, giá rẻ nên nhận được sự ưa chuộng của nhiều khách hàng. Tuy vẫn còn nhiều trở ngại do các khách hàng chính của mảng này là các hộ công nghiệp xây dựng vẫn còn gặp nhiều khó khăn và lượng hàng tồn kho còn nhiều cùng với việc giá khí đầu vào tăng từ nay đến năm 2017 theo lộ trình tăng giá khí của Chính phủ khiến giá vốn hàng bán sẽ tăng nhưng do PV Gas South đã chủ động tìm kiếm khách hàng và kí mới được nhiều hợp đồng cung cấp CNG nên sản lượng và doanh thu được cải thiện đáng kể so với năm trước.

Đây là mảng hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển dài hạn của Công ty do đây là nhiên liệu sạch, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững hiện nay, có biên lợi nhuận cao và là giải pháp thay thế, bổ trợ hiệu quả cho mảng kinh doanh LPG truyền thống đang gặp nhiều khó khăn.



Tình hình tài chính:

Cơ cấu tổng tài sản

Cơ cấu tổng tài sản Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
TỔNG TÀI SẢN	1.231.677	2.485.570	3.276.476	2.921.342	3.069.728
- Tài sản ngắn hạn	672.007	1.184.124	1.457.111	1.189.829	1.793.387
- Tài sản dài hạn	559.670	1.301.446	1.819.365	1.731.513	1.330.340
NỢ PHẢI TRẢ	1.038.077	1.921.862	2.309.023	1.888.386	1.908.474
- Nợ ngắn hạn	799.972	1.349.370	1.542.184	1.396.884	1.626.359
- Nợ dài hạn	238.105	572.492	766.839	491.502	282.114
Nguồn vốn chủ sở hữu	193.599	350.639	737.547	810.368	913.527
Lợi ích cổ đông thiểu số		213.069	229.906	222.587	247.725
TỔNG NGUỒN VỐN	1.231.676	2.485.570	3.276.476	2.921.342	3.069.728

Từ mức 825 tỷ đồng năm 2008, tổng tài sản của PV Gas South đã tăng ấn tượng 3,7 lần lên mức 3.069 tỷ đồng trong năm 2013. Bên cạnh việc tăng trưởng, cơ cấu tài sản của PV Gas South cũng có sự chuyển dịch từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn. Từ tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản là 39,43% trong năm 2008, tỷ lệ này tăng dần qua các năm, trong năm 2013, tỷ lệ này là 45,7%. Sự thay đổi này đến từ việc PV Gas South đầu tư cơ sở vật chất, kho chứa nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh LPG. Trong tài sản ngắn hạn của công ty, do đặc thù kinh doanh thương mại, tỷ lệ các khoản phải thu luôn chiếm trên 40%. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty rất ổn định.

Cơ cấu tổng nguồn vốn

Cơ cấu tổng nguồn vốn Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Nợ ngắn hạn/Tổng nợ phải trả	77,19%	70,21%	66,79%	73,97%	85,22%
Nợ dài hạn/Tổng nợ phải trả	22,94%	29,79%	33,21%	26,03%	14,78%
Nợ vay /Tổng nợ phải trả	19,94%	37,85%	42,40%	41,10%	28,15%
Nợ vay/Tổng tài sản	16,81%	29,27%	29,88%	26,63%	17,50%
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	106,92%	207,47%	132,74%	95,77%	58,81%
Vay ngắn hạn/ Vay nợ	14,48%	39,66%	38,10%	58,15%	72,37%

Cơ cấu nợ của PV Gas South có xu hướng giảm dần qua các năm do Công ty chủ trương tăng vốn chủ sở hữu và trả bớt nợ để giảm áp lực lãi vay. Tỷ trọng các khoản phải trả, chủ yếu là phải trả người bán chiếm ưu thế trong cơ cấu nợ phải trả do đặc thù ngành nghề của Công ty là kinh doanh thương mại. Từ năm 2014, do nhu cầu đầu tư mới giảm nên tỉ lệ nợ cũng sẽ giảm theo. Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của PV Gas South ổn định qua các năm và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Mặc dù năm 2013 kinh doanh LPG và tình hình kinh tế có nhiều khó khăn nhưng tập thể CB-CNV PV Gas South đã nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ kế hoạch được giao.
- Các dự án đang triển khai thi công đáp ứng được tiến độ đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn PCCC và đưa vào khai thác đạt hiệu quả.
- Đời sống, thu nhập của cán bộ công nhân viên ổn định tạo nên không khí làm việc phấn khởi, thoải mái và ổn định trong công việc.
- Bên cạnh những thành tích đạt được nêu trên, hoạt động kinh doanh bán lẻ LPG của PV Gas South tăng trưởng chưa cao để tương xứng với cơ sở vật chất và sự hỗ trợ của Tập đoàn/Tổng công ty.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dựa theo các nghị quyết về Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Ban Tổng giám đốc đã đặt ra những mục tiêu hoạt động cụ thể trong năm 2014 như sau:

- Tiếp tục công tác giữ vững và mở rộng thị trường, chú trọng xây dựng hệ thống bán lẻ LPG để hạn chế tối đa chí phí, tăng hiệu quả kinh doanh
- Quán triệt nghiêm túc chỉ đạo của Tập đoàn, Tổng công ty về các công tác tăng cường hiệu quả, sản xuất kinh doanh an toàn, chất lượng và có sự liên kết với các thành viên trong Tập đoàn để phát huy cao nhất giá trị nội lực
- Nghiên cứu, khắc phục những điểm yếu trong năm 2013, phát huy những thế mạnh sẵn có để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2014.



NỘI LỰC VỮNG MẠNH

- ❖ **Các công ty có liên quan**
- ❖ **Hệ thống phân phối**



Năm của nối kết và hợp tác thành công

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Đơn vị trực thuộc

1. Chi nhánh Đồng Nai:

- Địa chỉ: Cảng Gò Dầu A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (84.61). 3543 949 - Fax: (84.61). 3543 948
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Trần Thanh Nam

2. Chi nhánh Cần Thơ:

- Địa chỉ: Lô II.5, II.6 Khu Công nghiệp Trà Nóc II, Trà Nóc, TP. Cần Thơ
- Điện thoại: (84.710). 3.843.064 - Fax: (84.710). 3.843.067
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Lê Xuân Hòa

3. Chi nhánh Tiền Giang:

- Địa chỉ: Cụm CN, Tiểu thủ Công nghiệp Tân Mỹ Chánh, P. 9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang
- Điện thoại: (84.73). 3958 455 - Fax: (84.73). 3958.445
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Lê Xuân Hòa (Kiêm nhiệm)

4. Chi nhánh Vĩnh Long:

- Địa chỉ: 138C Đinh Tiên Hoàng, F. 8, TX. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại: (84.70). 3877 276 - Fax: (84.70). 3877 276
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Lê Xuân Hòa (Kiêm nhiệm)

5. Chi nhánh Cà Mau:

- Địa chỉ: 18/4 Lý Thường Kiệt, F. 6, TP. Cà Mau
- Điện thoại: (84.780). 3552 991 - Fax: (84.780). 3552 991
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Lê Xuân Hòa (Kiêm nhiệm)

6. Chi nhánh Nha Trang:

- Địa chỉ: 157 Tổ 2, P. Xóm Núi, Xã Vinh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: (84.58). 3735 678 - Fax: (84.58). 3735 123
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Hoàng Thanh Vân

7. Chi nhánh Ninh Thuận:

- Địa chỉ: 414 Ngô Gia Tự, TP. Phan Rang, Tỉnh Ninh Thuận
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Hoàng Thanh Vân (Kiêm nhiệm)

8. Chi nhánh Quảng Ngãi:

- Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Petrosetco, số 1 An Dương Vương, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: (84.55). 3718 182; 3718 183 - Fax: (84.55). 3718 185
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Phạm Tiến Mạnh

9. Chi nhánh Bình Định:

- Địa chỉ: Lô D601, Khu Công nghiệp Nhơn Hội A, Xã Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Điện thoại: (84.56). 3590 168 - Fax: (84.56). 3590 169
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Phạm Tiến Mạnh (Kiêm nhiệm)

10. Chi nhánh Gia Lai:

- Địa chỉ: Lô 4D Khu công nghiệp Trà Đa, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84.59). 3735 678 - Fax: (84.59). 3735 123
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Phạm Tiến Mạnh (Kiêm nhiệm)

11. Chi nhánh Đắk Lắk:

- Thôn 8, Xã Hòa Phú, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (0500) 3949123 - Fax : (0500) 3686444
- Giám đốc Chi nhánh: Ông Nguyễn Đức Tuấn

12. Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh PV Gas South

- Địa chỉ: Ấp Thanh Hóa, Xã Hố Nai 3, Trảng Bom, Đồng Nai.
 - Điện thoại: (0613). 3674320
 - Giám đốc Chi nhánh: Ông Vũ Văn Thực (Phó Tổng Giám đốc Công ty - kiêm nhiệm)
- Sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty:
- Sản xuất vỏ bình LPG mới loại 12kg, 45kg theo tiêu chuẩn DOT-4BA-240, DOT-4BW-240 và TCVN 6292-1997.
 - Sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm định các loại bình LPG.
 - Kinh doanh vật tư, phụ kiện phục vụ cho công tác sửa chữa và tái kiểm định bình LPG.
- Khách hàng của công ty hầu hết là các Công ty kinh doanh lớn như: Sài Gòn Petro, PV Gas South, VT-Gas, Petronas VN, Elf Gas, Vimexco, Thủ Đức Gas, Total Gas...
- Ngày 29/10/2013, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South) đã ký Nghị quyết số 12/NQ-KMN V/v Thành lập Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam trên cơ sở Công ty Cổ phần Bình Khí Dầu khí Việt Nam. Nghị quyết số 13/NQ - KMN thông qua việc giải thể Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam và thành lập Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam. Như vậy, PV Gas Cylinder đã chuyển từ hình thức Công ty liên kết của PV Gas South trong năm 2012 sang hình thức đơn vị trực thuộc trong năm 2013. Đây là một phần nội dung trong Đề án "Tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) giai đoạn 2012 – 2015" của PetroVietnam.

Một số chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh của PV Gas Cylinder

STT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	TH 2013	KH 2014	Tỷ lệ %
1	Sản lượng	Bình			
1.1	Vỏ bình làm mới	Bình	184.850	200.000	108,2%
1.2	Vỏ bình bảo dưỡng	Bình	69.000	180.000	260,9%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	85,79	102,00	118,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		1,00	



Công ty con

Công ty CP CNG Việt Nam - CNG VietNam

- **Địa chỉ:** Tầng 2,3 tòa nhà PVGas Tower, Số 61B Đường 30/4, P. Thăng Nhất, Tp. Vũng Tàu
- **Điện thoại:** (064) 3597 225 - Fax: (064) 3591 386
- **Nhà máy:** Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Đường số 15, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
- **Website:** www.cng-vietnam.com
- **Chủ tịch HĐQT:** Ông Vũ Tuấn Ngọc
- **Tổng Giám đốc:** Ông Đặng Văn Vĩnh
- **PV Gas South sở hữu 55,20%**

Công ty cổ phần CNG Việt Nam (CNG VietNam) được thành lập vào ngày 28/05/2007 bởi các cổ đông là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South), Tổng công ty cổ phần dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí (DMC), Công ty cổ phần phân phối Khí thấp áp (PV Gas D) trong PVN và một số các công ty khác của Việt Nam như Habu Bank, IEV Energy (Malaysia), Sơn Anh... CNG VietNam chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VietNam đặt tại KCN Phú Mỹ I, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu m³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ 03/9/2008; Nhà máy đang từng bước phát triển mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng theo từng giai đoạn và đạt mục tiêu nâng công suất lên 250 triệu m³ khí/năm vào năm 2015. Hiện công suất của nhà máy là 70 triệu m³ khí/năm.

CNG VietNam là khởi nguồn tiên phong trong việc phổ biến sản phẩm CNG tại Việt Nam, là giải pháp công nghệ tiên tiến "**ĐEM NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH TỚI MỌI NƠI**" sẽ giúp các Doanh nghiệp giảm chi phí nhiên liệu, góp phần bảo vệ môi trường.

Kết quả kinh doanh năm 2013 của CNG VietNam

STT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	KH 2013	TH 2013	%TH13/KH13	KH 2014
1	Sản lượng CNG	M ³	53	60,000,000	104.0%	70,000,000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	885.73	969.89	109.5%	999.6
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	133.96	139.04	103.8%	99.0



Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-GAS)

- **Địa chỉ:** Cảng Đồng Nai, P. Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- **Điện thoại:** (84.61) 3831 988 - Fax: (84.61) 3832 008
- **Văn phòng đại diện:** Phòng 606, tòa nhà Waseco, 10 Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- **Điện thoại:** (84.8) 3997 6821 - Fax: (84.8) 3997 6823
- **Website:** www.vt-gas.com.vn
- **Giám đốc:** Ông Ngô Hồng Thăng
- **PV Gas South sở hữu 100%**

Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-Gas) được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 816/GP ngày 04/03/1994 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư với tổng vốn đầu tư là 15 triệu USD gồm các bên liên doanh: Công ty CPKD Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South) góp 55% cổ phần, Ủy ban Dầu khí Quốc gia Thái Lan (PTT) – Thái Lan góp 45% cổ phần. Hiện PV Gas South đang tiến hành mua lại 45% cổ phần của PTT để chuyển đổi hoàn toàn VT-Gas thành đơn vị trực thuộc theo Đề án “Tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) giai đoạn 2012 – 2015”.

Được hình thành từ hai Tập đoàn Dầu khí có uy tín và tầm cỡ quốc tế, với công nghệ và thiết bị hiện đại, hệ thống quản lý đạt chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, ISO 14001:2005 và OHSAS 18001:2007, VT-Gas chuyên cung cấp sản phẩm Khí hóa lỏng LPG với chất lượng cao cho các ngành công nghiệp và nhà hàng-khách sạn. Sản phẩm LPG gồm hỗn hợp Butan/Propan với tỷ lệ tối ưu 50%/50% cho nhiệt trị cao >11.000Kcal/kg. Với hệ thống bồn chứa trên 1.000 tấn và nguồn hàng ổn định, VT-Gas luôn đáp ứng mọi nhu cầu về LPG dân dụng, căn tin, nhà hàng và cho các ngành công nghiệp như: gốm sứ, sắt thép, nhôm, nhựa, sơn, chế biến thực phẩm...

VT-Gas cung cấp hệ thống bồn chứa LPG, hệ thống bình 45Kg với thiết bị của các hãng nổi tiếng trên thế giới, đạt chuẩn quốc tế, có chứng nhận của cơ quan kiểm định độc lập đạt độ an toàn cao. Cùng với đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm, công nhân kỹ thuật lành nghề, VT-Gas sẵn sàng tư vấn, thiết kế lắp đặt, bảo trì và hướng dẫn khách hàng sử dụng hệ thống an toàn và hiệu quả.

Kết quả kinh doanh năm 2013 của VT-Gas

STT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	KH 2013	TH 2013	%TH13/KH13	KH 2014
1	Sản lượng LPG	Tấn	57,000	52,231	91.6%	58,168
-	LPG rời	Tấn	20,271	15,938	78.6%	20,336
-	LPG bình	Tấn	36,729	36,293	98.8%	37,832
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,202.00	1,186.00	98.7%	1,255.4
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18.00	18.66	103.7%	18.0



Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông - PVGas SaiGon

- **Địa chỉ:** 45-47 Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- **Điện thoại:** (84.8). 6295 5608
- **Giám đốc:** Ông Nguyễn Hải Long
- **PV Gas South sở hữu 100,00%**

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông (PVGas SaiGon) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 28/07/2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. PVGas South sở hữu 100% vốn góp tại PVGas SaiGon. Công ty PVGas Sài Gòn này được hình thành từ việc hợp nhất các chi nhánh Sài Gòn, Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh của Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng miền Nam và hai công ty con được mua vào ngày 01/08/2011, là Công ty TNHH MTV Dầu khí Anpha Tây Nguyên và Công ty TNHH MTV Dầu khí Anpha Tây Ninh. Việc chuyển giao tài sản cho công ty con này được thực hiện vào ngày 01/10/2011. Công ty TNHH MTV Dầu khí Anpha Tây Nguyên được chuyển thành chi nhánh Đắk Lắk và Công ty TNHH MTV Dầu khí Anpha Tây Ninh được chuyển thành Chi nhánh Tây Ninh trực thuộc PVGas Sài Gòn.

Đầu năm 2014, chi nhánh Đắk Lắk đã chuyển về trực thuộc Công ty mẹ trên cơ sở tiếp nhận từ PVGas SaiGon.



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối của Công ty đến nay đã phủ kín các tỉnh thành phía Nam, tạo sức mạnh toàn hệ thống trong việc thoả mãn tốt nhu cầu của khách hàng trong tương quan với các đối thủ cạnh tranh. Hiện sản phẩm của PV Gas South được cung cấp qua các kênh sau:

- **Kênh 1:** Cho các Tổng Đại lý để các đơn vị này cung cấp ra thị trường - hiện chiếm 45% sản lượng.
- **Kênh 2:** Cung cấp trực tiếp sản phẩm tới các đại lý tự do - hiện chiếm 25% sản lượng.
- **Kênh 3:** Cho các khách hàng công nghiệp, yêu cầu đơn vị cung cấp LPG phải đầu tư hệ thống cung cấp LPG, trợ giúp kỹ thuật thường xuyên, kịp thời với giá cả cạnh tranh - chiếm 15% sản lượng bán ra.
- **Kênh 4:** Cung cấp trực tiếp cho các cửa hàng trực thuộc để cung cấp cho khách hàng. Lượng bán hàng qua kênh này hiện chiếm tỷ lệ không đáng kể. Kênh phân phối này hướng tới các thị trường lớn để tranh thủ cạnh tranh về giá cả như: Cần Thơ, Quảng Ngãi, Nha Trang, Miền Đông.

Thống kê các Đại lý, Tổng Đại lý và Cửa hàng tại PV Gas South hiện nay

Địa điểm	Đại lý	Tổng Đại lý	Cửa hàng
Cần Thơ	43	11	6
Quảng Ngãi	120	1	1
Nha Trang	62	14	3
Đắk Lắk	34	12	0
Miền Đông	114	46	9
VT-GAS	44	34	0
Tổng cộng	417	108	19

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- ❖ Hoạt động Hội đồng quản trị
- ❖ Hoạt động Ban Kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS và BTGD
- ❖ Thông tin cổ đông
- ❖ Quản trị rủi ro



Năm của Quản trị giá trị hiệu quả

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội Đồng Quản Trị của PV Gas South năm 2013 gồm 5 thành viên, trong đó có 1 chủ tịch HĐQT, 2 thành viên kiêm nhiệm trong Ban Tổng Giám Đốc và 2 thành viên chuyên trách. Cơ cấu thành viên HĐQT năm 2013 như sau:

- 1/ Ông Nguyễn Sĩ Thăng – Chủ tịch HĐQT
- 2/ Ông Đoàn Văn Nhuộm – TV HĐQT kiêm TGD
- 3/ Ông Vũ Quý Hiệu – TV HĐQT kiêm Phó TGD
- 4/ Bà Nguyễn Minh Ngọc – TV HĐQT
- 5/ Ông Hà Anh Tuấn – TV HĐQT độc lập.

Hoạt động trong năm của Hội đồng quản trị

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 18 phiên họp và thông qua 15 Nghị quyết để thảo luận và quyết định về định hướng phát triển PV Gas South, triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh cho năm 2013, đặt ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư cho năm 2014.

Ngoài ra, HĐQT đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua các quyết định giao nhiệm vụ cụ thể và thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo quy chế của Công ty. HĐQT đã thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất để theo dõi, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp hoặc phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông qua việc thường xuyên kiểm tra công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đã chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực thi các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội Đồng Quản Trị. Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban điều hành cũng như tại các phiên họp HĐQT.

Những cố gắng và nỗ lực đã mang lại những thành quả sau:

- Hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2013. Trong đó có mục tiêu đầu tư phát triển thị trường CNG công nghiệp và giao thông vận tải, phần đầu năm 2013 đạt sản lượng 125 triệu m³ (PV Gas South 65 triệu m³; CNG Việt Nam 60 triệu m³). Bám sát mục tiêu và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.
- Tiến hành thuận lợi dự án Cung cấp CNG cho các phương tiện GTVT (đưa vào sử dụng 01 trạm con tại Đại học Quốc Gia và chuyển đổi thêm gần 100 xe taxi).
- Bước đầu triển khai chuẩn bị đầu tư dự án di dời nhà máy bình khí.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành, các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc. Các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2013

Các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2013

Thời gian	Số nghị quyết	Nội dung
Quý 1/2013	01	Thông qua quy chế quản lý tài chính của công ty TNHH MTV Miền Đông, giao cho Người đại diện quản lý phần vốn của công ty tại CNG Việt Nam và thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2013
	02	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013
	03	Thông qua các văn kiện trình ĐHĐCĐ và thông qua Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty
Quý 2/2013	04	Thông qua việc giới thiệu nhân sự ứng cử Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát công ty CNG Việt Nam nhiệm kỳ 2013 - 2018
	05	Thông qua phương án chia trả cổ tức 2012 và bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty
	06	Thông qua việc ông Hà Anh Tuấn thôi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc và thông qua việc thay đổi nhân sự quản lý phần vốn của công ty PV Gas South tại công ty CNG Việt Nam
	07	Thông qua việc vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty
Quý 3/2013	09	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2013 và thông qua việc bổ nhiệm ông Vũ Văn Thực giữ chức Phó tổng giám đốc công ty PV Gas South
	10	Thông qua chủ trương mua cổ phần của PV Gas và các cổ đông tại PV Gas Cylinder, và thông qua việc điều động nhân sự tại CNG Việt Nam và PV Gas Sài Gòn
Quý 4/2013	11	Thông qua việc mua cổ phần tại PV Gas Cylinder và chuyển Gas Cylinder thành Đơn vị trực thuộc công ty.
	26	Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ (Ông Trần Văn Nghị tiếp tục giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty)
	12	Thông qua việc thành lập công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam (PV Gas Cylinder)
	13	Thông qua việc giải thể công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam và thành lập Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh PV Gas South
	14	Thông qua việc mua lại phần vốn của Ủy ban Dầu Khí Thái Lan tại VT-Gas
	15	Thông qua việc bổ sung Dự án di dời Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh PV Gas South vào Kế hoạch đầu tư 2013

Đánh giá chung về công tác này, HĐQT đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, công tác này thực tế trong năm qua đã đạt kết quả, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đốc thúc của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT nhanh chóng kịp thời hơn, đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và đạt hiệu quả.

Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị

Không có

Việc tham gia các khóa Đào tạo Quản trị của thành viên Hội Đồng Quản Trị

Hiện tất cả các thành viên trong HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc (bao gồm các chức vụ từ thư ký trở lên) đều có chứng nhận Đào tạo về Quản trị Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát của Công ty có 3 thành viên gồm:

- 1/ Bà Nguyễn Thục Quyên – Trưởng Ban
- 2/ Ông Võ Đình Quang – Thành viên
- 3/ Ông Ngô An Hòa – Thành viên

Hoạt động trong năm của Ban Kiểm Soát

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát được quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp; Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam; Căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2013 thông qua. Trong năm 2013, Ban Kiểm Soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2013. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và chiến lược phát triển Công ty đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.
- Phối hợp với Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc, các phòng chức năng Công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại các đơn vị cũng như tại văn phòng Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị năm 2013. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.
- Giám sát quá trình thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHCĐ.



Kế hoạch hoạt động năm 2014 của Ban Kiểm Soát

- Tiếp tục giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm Soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ hàng quý Ban Kiểm Soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên theo từng lĩnh vực, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS, BTGD

Thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc

Công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên trong Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của PVGas South. Trong năm 2013, theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công ty đã thanh toán các khoản thưởng, thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc như sau:

Thu nhập của Thành viên Hội Đồng Quản Trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Sĩ Thắng	Chủ tịch HĐQT	887.913.069	-	887.913.069
2	Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên HĐQT	721.866.535	-	721.866.535

Thu nhập của Thành viên Ban Kiểm Soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Thục Quyên	Trưởng BKS	714.680.910	-	714.680.910
2	Võ Đình Quang	Thành viên BKS	268.256.171	-	268.256.171
3	Ngô An Hòa	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000

Thù lao của Thành viên Ban Tổng Giám Đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Đoàn Văn Nhuộm	TGD	881.727.444	-	881.727.444
2	Vũ Quý Hiệu	Phó TGD	721.890.285	-	721.890.285
3	Hà Anh Tuấn	Phó TGD	557.928.410	9.000.000	566.928.410
4	Trần Văn Nghị	Phó TGD	800.420.576	-	800.420.576
5	Trần Thanh Nam	Phó TGD	736.942.604	-	736.942.604
6	Vũ Văn Thực	Phó TGD	289.758.770	-	692.364.568

Ghi chú:

- Chức danh chuyên trách hoặc kiêm nhiệm hưởng lương tại PV Gas South thì không hưởng thù lao.
- Mức thù lao được hưởng như sau:
 - + Thành viên HĐQT không quá 3 triệu đồng/tháng
 - + Thành viên BKS không quá 2 triệu đồng/tháng. (Trưởng BKS 2 triệu đồng tháng; Thành viên BKS 1,5 triệu đồng/tháng)

Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2013, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc, không có giao dịch cổ phiếu PV Gas South.

Các giao dịch cổ phiếu của những người liên quan

Trong năm 2013, những người liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc, không có giao dịch cổ phiếu PV Gas South.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Không có)

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2013, PV Gas South đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty về công tác quản trị Công ty. Tháng 4/2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Bản sửa đổi nội dung "Điều lệ Công ty", xem đây như mục tiêu, phương hướng để quản trị Công ty hiệu quả.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch PGS và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Đến ngày 07/12/2010, vốn điều lệ của PV Gas South là 380.000.000.000 đồng với 38.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông : Theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/03/2014 :

TÊN CỔ ĐÔNG	VỐN CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
PV Gas	13.400.000.000	35,26%
Halley Sicav-Halley Asian Property	3.039.300.000	8,00%
Acadian Frontier Markets Equity Funds	1.664.500.000	4,38%
Phan Đình Tâm	1.381.700.000	3,64%
Cổ đông khác	18.514.501.000	48,72%
Tổng cộng	380.000.000.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm công ty không có các hoạt động làm tăng/giảm vốn chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác: (Không có)

Các giao dịch của cổ đông lớn

Tổ chức / người giao dịch	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	Giao dịch	Số lượng cổ phiếu cuối kỳ	Tỷ lệ %
Halley Sicav-Halley Asian Property	1.897.300	Mua cổ phần	3.039.300.000	8,00%

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội Đồng Quản Trị

Họ tên thành viên HĐQT	Chức vụ tại công ty	Điều hành	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Sĩ Thắng	Chủ tịch HĐQT	Không	Đại diện sở hữu: 4.259.494 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: 10.000cp	11,21%
Đoàn Văn Nhuộm	TV HĐQT kiêm TGD	Tổng giám đốc	Đại diện sở hữu: 4.240.506 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: 10.000cp	11,16%
Vũ Quý Hiệu	TV HĐQT kiêm PTGD	Phó tổng giám đốc	Đại diện sở hữu: 1.900.000 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: không	5%
Nguyễn Minh Ngọc	TV HĐQT	Không	Đại diện sở hữu: 3.000.000 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: không	7,89%
Hà Anh Tuấn	TV HĐQT	Không	Sở hữu cá nhân: 10.000cp	0,03%

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thục Quyên	Trưởng BKS	Sở hữu cá nhân: 11.000 cp	0,029%
Võ Đình Quang	TV BKS	—	
Ngô An Hòa	TV BKS	—	

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Tổng Giám Đốc

Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Đoàn Văn Nhuộm	Tổng giám đốc	Đại diện sở hữu: 4.240.506 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: 10.000 cp	11,16%
Vũ Quý Hiệu	Phó tổng giám đốc	Đại diện sở hữu: 1.900.000 cp (PV Gas) Sở hữu cá nhân: không	5%
Trần Văn Nghị	Phó tổng giám đốc	Sở hữu cá nhân: không	0
Trần Thanh Nam	Phó tổng giám đốc	Sở hữu cá nhân: không	0
Vũ Văn Thực	Phó tổng giám đốc	Sở hữu cá nhân: không	0
Nguyễn Đăng Trình	Kế toán trưởng	Sở hữu cá nhân: không	0

Số lượng và tỷ lệ sở hữu của Cổ đông có liên quan đến cổ đông nội bộ: (Không có)

QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Nhìn chung trong năm 2013, các nền kinh tế mới nổi tiếp tục đối mặt với sự mất giá của đồng nội tệ, cầu nội địa yếu, thâm hụt cán cân thanh toán tăng cao và vấn đề cải cách kinh tế, do đó, dự báo khó có thể duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2014.

Tại Việt Nam, nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi từ vùng đáy. Kinh tế vĩ mô năm 2013 đã từng bước ổn định. Tăng trưởng và sản xuất đã có sự chuyển biến tích cực đi lên về cuối năm. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp, cân đối ngân sách còn nhiều thách thức và các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn. Sức mua của người dân chậm cải thiện, thể hiện qua mức hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng cũng như vận chuyển hàng hóa tăng chậm hơn cùng kì năm trước.

Riêng đối với thị trường dầu khí, việc giá CP thế giới biến động bất thường không theo quy luật và tình hình kinh tế khó khăn nên nhiều khách hàng tiêu thụ LPG chuyển sang sử dụng nhiên liệu thay thế khác với giá thành rẻ hơn như trấu, điện, than ... Song song đó, giá CP thế giới trong các tháng đầu năm 2013 liên tục giảm do nhu cầu tiêu thụ khí đốt các vùng Tây Bắc Âu và nhu cầu dầu mỏ các quốc gia tiêu thụ nhiều dầu thô trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc ... giảm mạnh đã gây ảnh hưởng không tốt đến kết quả kinh doanh của PVGas South.

Phương pháp quản trị: Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, PV Gas South chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp, và tổ chức tín dụng của Công ty. Cụ thể, PV Gas South có hệ thống kho chứa lớn tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tích trữ nguồn hàng và có thể chủ động đương đầu với sự biến động giá cả trên thị trường thế giới. Như đợt tăng giá LPG vào thời điểm tháng 12/2013, nhờ lượng dự trữ LPG giá rẻ mà Công ty có thể hưởng được một lợi ích nhất định so với các doanh nghiệp không có hàng dự trữ.

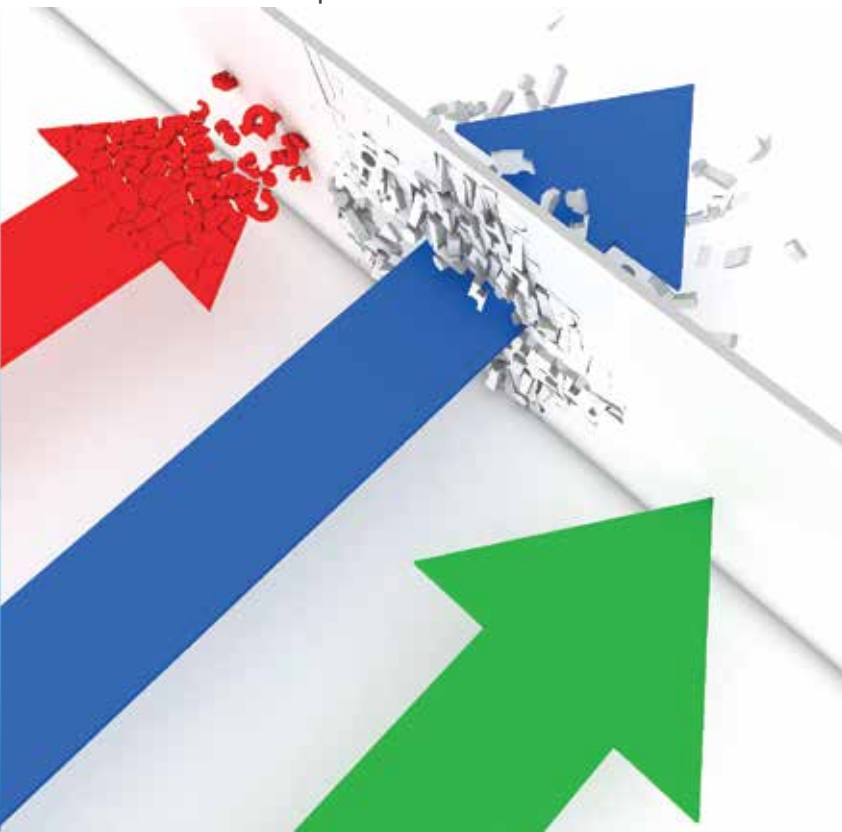
Rủi ro về cạnh tranh

Thị trường kinh doanh LPG là một thị trường mang lại lợi nhuận cao và đó là một thuận lợi đối với việc gạt hái thành công của PV Gas South.

Tuy nhiên, đi cùng với lợi ích là sự cạnh tranh của các đối thủ xuất hiện ngày một nhiều trên thị trường. Đó là các Công ty TNHH, lực lượng chủ yếu nhập khẩu hơn một nửa sản lượng LPG trên thị trường. Đây là một lực lượng đang hình thành và sẽ cạnh tranh khốc liệt với PVGas South trong những năm tới, đặc biệt là tại thị trường phía Nam. Bên cạnh đó còn có các Tập đoàn đa quốc gia, các hãng LPG lớn có tiềm lực về vốn, về kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh và điều hành.

Không chỉ vậy, các doanh nghiệp bán lẻ LPG hiện nay phải chịu ảnh hưởng tiêu cực từ tình trạng sang chiết gas lậu. Việc này được thực hiện bằng cách sử dụng vỏ bình gas của các hãng gas uy tín bơm vào các loại khí kém chất lượng hơn nhằm thu lợi bất chính. Đây được xem như một hình thức cạnh tranh không lành mạnh nhưng đang có xu hướng bành trướng và tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích của các doanh nghiệp.

Tình trạng cạnh tranh gay gắt đi cùng với việc xu hướng người tiêu dùng đang chuyển đổi từ sử dụng LPG sang các loại nhiên liệu giá rẻ khác sẽ khiến PV Gas South đối mặt với nhiều khó khăn trong tương lai.



Phương pháp quản trị: Để có thể vững vàng tại thị trường, PV Gas South phải củng cố và nâng cao năng lực quản lý, tăng tính chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

PV Gas South đã đầu tư mạng lưới phân phối trải đều trên khắp các tỉnh thành từ Đà Nẵng trở vào và hệ thống chiết nạp vệ tinh phân bố đều khắp thị trường miền Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, đồng thời có chính sách chiết khấu cao cho các đại lý bán lẻ nhằm hạn chế nguồn khí lậu giá rẻ tràn vào thị trường.

Thêm vào đó, Công ty đã tạo được uy tín đối với khách hàng cho thương hiệu PETROVIETNAM GAS. Nguồn khách hàng của Công ty rất đa dạng, từ khách hàng LPG dân dụng và công nghiệp đến các đại lý bán lẻ và khách hàng CNG giúp Công ty tạo được vị thế vững mạnh trên thị trường.

Với lợi thế là Công ty thành viên của PVN, PV Gas South có lợi thế nhất định khi có nguồn cung cấp LPG ổn định từ Nhà máy Chế biến Khí Dinh Cố và Nhà máy Dung Quất.

Rủi ro về hoạt động kinh doanh

Hoạt động của Công ty hiện tại phụ thuộc chủ yếu vào kinh doanh LPG nên phụ thuộc rất nhiều vào biến động của thị trường. Bất kỳ biến động về nguồn hay tiêu thụ LPG của thị trường đều ảnh hưởng tới hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhất là trong giai đoạn giá dầu và khí thế giới biến động bất thường như hiện nay thì rủi ro này trở nên đáng quan ngại hơn bao giờ hết.

Phương pháp quản trị: Để khắc phục tình trạng này, Công ty đang tìm cách giảm tối đa các chi phí và tìm kiếm các nguồn LPG có giá vốn thấp, nâng sức chứa của các kho nhằm chủ động nguồn hàng cung cấp, góp phần bình ổn giá trong những trường hợp có biến động giá đột biến.

Rủi ro pháp lý

Là một Công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn chứng khoán, PV Gas South phải chịu sự ảnh hưởng và chi phối của các bộ luật Luật Doanh nghiệp, Luật thương mại Quốc tế...các Nghị định, Thông tư và

các văn bản luật pháp liên quan khác. Trong điều kiện hệ thống pháp lý Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, bất cứ thay đổi nào trong chính sách hay qui định có liên quan sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Phương pháp quản trị: Công ty luôn có ý thức chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành để chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật của Nhà nước, tránh những rủi ro đáng tiếc có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro đặc thù ngành

LPG nói riêng và các sản phẩm Khí nói chung là loại sản phẩm rất dễ cháy nổ, điều kiện tồn trữ, vận chuyển, phân phối rất khắt khe. Trong trường hợp xảy ra sự cố sẽ để lại hậu quả và thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, nhân lực, uy tín cũng như khả năng phát triển dài hạn của Công ty.

Phương pháp quản trị: Để giảm thiểu rủi ro đặc thù này, Công ty rất chú trọng trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật từ khâu thiết kế (bình LPG, bồn LPG, hệ thống tồn trữ, vận chuyển,...), chế tạo, xây dựng, đến vận hành, bảo dưỡng cũng như khuyến khích các đại lý, đơn vị trực thuộc tuân thủ nghiêm túc các quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí.

Rủi ro khác

Những rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn...là những rủi ro bất ngờ có thể gây thiệt hại to lớn về người và tài sản cho Công ty đồng thời để lại những hậu quả nặng nề cho cả nền kinh tế.

Phương pháp quản trị: Công ty luôn ý thức phải phòng chống những rủi ro này ở mức tối đa có thể bằng cách luôn đảm bảo các biện pháp an toàn trong lao động, sản xuất đồng thời tích cực thực hiện cam kết bảo vệ môi trường để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm và thiên tai.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2014

- ❖ Mục tiêu – chiến lược
- ❖ Kế hoạch năm 2014



Năm của thách thức và cơ hội

MỤC TIÊU – CHIẾN LƯỢC

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng PV Gas South trở thành Công ty kinh doanh LPG đứng đầu khu vực miền Nam trong tất cả các mặt như: sản lượng bán LPG, thị phần, giá trị vốn hóa, đội ngũ cán bộ đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ trong nền kinh tế hội nhập.

Xây dựng một Công ty kinh doanh đa ngành, đa sản phẩm nhưng chủ đạo là kinh doanh LPG. Giữ vững thương hiệu sản phẩm PETROVIETNAM GAS có uy tín cao, luôn đi kèm với chất lượng tốt, dịch vụ hoàn hảo, văn hóa và phong cách phục vụ chuyên nghiệp trên thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Tạo ra một Công ty cổ phần đa sở hữu, trong đó PV Gas nắm giữ cổ phần lớn nhất, với mô hình bao gồm các chi nhánh chuyên môn hóa, cung cấp các dịch vụ liên quan đến LPG và các sản phẩm Dầu khí, không chỉ phục vụ cho hoạt động của Công ty mà còn phục vụ cho các Công ty bên ngoài như dịch vụ thiết kế, xây lắp công trình cung cấp LPG, dịch vụ kho cảng,...

Mục tiêu tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu giai đoạn 2012 – 2025 là 5,42%/năm, trong đó:

- + Giai đoạn 2012 – 2015: 13,65%/năm.
- + Giai đoạn 2016 – 2020: 3,43%/năm.
- + Giai đoạn 2021 – 2025: 2,57%/năm.

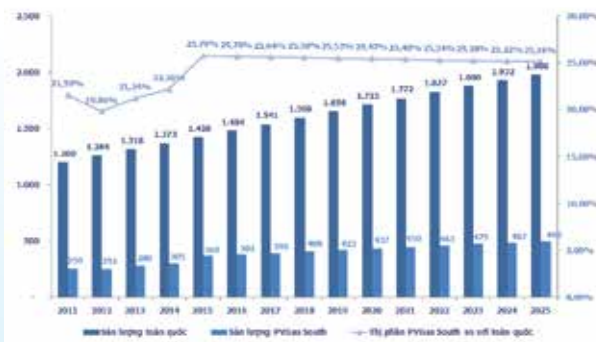
Mục tiêu cụ thể

1. Sản lượng, thị phần

+ Kinh doanh LPG

Trên cơ sở tổng hợp tình hình hiện tại và dự báo phát triển trong từng giai đoạn. Công ty phấn đấu trở thành Công ty kinh doanh LPG đứng đầu cả nước và khu vực miền Nam với các mục tiêu:

- Chiếm 25,79% thị phần LPG cả nước vào năm 2015 và giữ vững thị phần khoảng 25% cả nước vào năm 2025.
- Chiếm 44,35% thị phần LPG miền Nam và Nam Trung Bộ vào năm 2015 và 45,4% thị phần LPG miền Nam và Nam Trung Bộ vào năm 2025. Duy trì, tăng tốc kế hoạch sản lượng bán LPG theo chiến lược mục tiêu đặt ra cho năm 2015 đạt 368.344 tấn/năm và năm 2025 là 498.186 tấn/năm.



Mục tiêu về thị phần cả nước



Mục tiêu về thị phần phía Nam

+ Kinh doanh CNG

- Xây dựng PV Gas South trở thành Công ty kinh doanh CNG hàng đầu với mạng lưới tiêu thụ trên khắp cả nước.
- Đưa CNG vào sử dụng rộng rãi cho giao thông vận tải và các hộ công nghiệp tại khu vực miền Đông Nam Bộ. Phát triển rộng thị trường cung cấp CNG trên toàn quốc.

Hệ thống phân phối

- Điều chỉnh hệ thống kênh phân phối theo hướng giảm bớt trung gian, phát triển hệ thống bán lẻ đến người tiêu dùng.
- Tìm kiếm chuẩn bị nguồn hàng ổn định đảm bảo hiệu quả và đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng.
- Xây dựng chiến lược quảng cáo, khuyến khích thương hiệu PETROVIETNAM GAS, phát triển thị trường trong nước và các khu vực lân cận như Lào, Campuchia.
- Xây dựng các trung tâm dịch vụ, chăm sóc khách hàng tại các khu vực thị trường trọng điểm & có kế hoạch mở rộng phủ kín toàn bộ hệ thống từ Đà Nẵng đến Cà Mau.
- Tăng cường công tác phối hợp chống gian lận thương mại nhằm tăng hiệu quả sử dụng bình (bình 12 kg & bình 45kg) của Công ty.

Hoạt động tài chính

- Từng bước đưa Công ty chủ động về mặt tài chính, cân đối hợp lý giữa các nguồn vốn cổ đông, vốn vay, đảm bảo tỷ lệ tự đầu tư trong Công ty ở mức 30%.
- Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ hàng năm liên tục tăng và sau năm 2012 không thấp hơn 20%.
- Tăng cường hoạt động đầu tư tài chính trên cơ sở đảm bảo và phát triển vốn.
- Tiếp tục góp vốn vào các Công ty cổ phần hoạt động hiệu quả.
- Nghiên cứu tham gia thị trường chứng khoán và đầu tư tài chính.
- Tham gia góp vốn/mua lại các Công ty kinh doanh LPG, kinh doanh kho cảng, kinh doanh dịch vụ, vận tải, từng bước gia tăng tỉ lệ góp vốn nếu có hiệu quả.
- Tiếp tục nghiên cứu để tìm cơ hội đầu tư mới, đặc biệt là các dự án sản xuất, dịch vụ có liên quan đến ngành LPG.

Đầu tư cơ sở vật chất

- Đầu tư kho chứa và trạm chiết để tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh LPG dân dụng, phủ kín thị trường từ Đà Nẵng đến Cà Mau.
- Đầu tư phương tiện vận chuyển LPG trên cơ sở cân đối nhu cầu & tài chính nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Đầu tư xây dựng/mua nhà máy sơn, sửa, tái kiểm định bình LPG.
- Tiếp tục đầu tư hoặc hợp tác đầu tư có hiệu quả cơ sở hạ tầng (kho chứa, trạm chiết, phương tiện vận chuyển,...)

KẾ HOẠCH NĂM 2014

Căn cứ theo Nghị quyết số 16/NQ-KVN ngày 06/03/2009 về Chiến lược phát triển Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025, kết quả sản xuất kinh doanh các năm của PV Gas South và nhu cầu thị trường cũng như tình hình kinh doanh của PVGas South, lãnh đạo Công ty đã đề ra các mục tiêu nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2014.

Mục tiêu nhiệm vụ

- Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh an toàn các kho, trạm LPG, CNG hiện có của Công ty.
- Tăng cường, tập trung công tác bán lẻ LPG tại khu vực thị trường PV Gas South quản lý, chú trọng mở các cửa hàng bán lẻ trực tiếp, giảm thiểu bán LPG ở các khâu trung gian để tăng hiệu quả kinh doanh.
- Quán triệt nghiêm túc chỉ đạo của Tập đoàn, Tổng Công ty về phát huy nội lực, tăng cường sử dụng dịch vụ trong ngành hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Cùng Tổng Công ty tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu PETROVIETNAM GAS ngày càng lớn mạnh và có uy tín trên thị trường.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Công ty giao.

1. Chỉ tiêu sản lượng và kế hoạch kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2014
I	Chỉ tiêu sản lượng		
1	Sản lượng LPG hợp nhất	Tấn	271.168
-	LPG rời	Tấn	120.336
-	LPG bình	Tấn	150.832
1.1	PVGas South	Tấn	213.000
-	LPG rời	Tấn	100.000
-	LPG bình	Tấn	113.000
1.2	VT Gas	Tấn	58.168
-	LPG rời	Tấn	20.336
-	LPG bình	Tấn	37.832
2	Sản lượng CNG hợp nhất	M³	138.960.000
2.1	PV Gas South	M ³	68.960.000
2.2	CNG Việt Nam	M ³	70.000.000
3	Xăng dầu	Lít	3.800.000
II	Chỉ tiêu Tài chính hợp nhất		
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	
-	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	380,00
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.784,90
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	194,30
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	163,70
II.1	Tài chính PV Gas South	Tỷ đồng	
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	
-	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	380,00
-	Tỷ lệ tham gia của TCT	%	35,26%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.629,90
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	113,70
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	96,60

2. Kế hoạch đầu tư:

Tổng mức đầu tư cho xây dựng cơ bản năm 2014 được duyệt là 50,5 tỷ.

Dự án chuyển tiếp

1. Tiến hành các bước chuẩn bị đầu tư dự án di dời nhà máy bình khí PVGas Clinder

Dự án mới

1. Hoàn thành mua 10 module chứa khí CNG.
2. Kế hoạch di dời kho VT Gas

- Các giải pháp thực hiện

1. Về sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh gas bình, nâng cao hiệu quả của các cửa hàng bán lẻ trực thuộc, quản lý hiệu quả công tác đầu tư vỏ bình mới và vòng quay vỏ bình gas.
- Nghiên cứu tổng quát thị trường từ đó đưa ra chính sách phù hợp để phát triển, tiếp tục củng cố các vùng thị trường theo địa bàn hoạt động của Công ty, đẩy mạnh các thị trường còn yếu. Xây dựng chương trình quảng cáo khuyến mại, khuyến khích thương hiệu hướng tới người tiêu dùng.
- Khai thác hiệu quả kho LPG Gò Dầu, Dung Quất, Cần Thơ; tăng công suất các trạm chiết nạp của Công ty để chủ động hàng bán và giảm dần chi phí.
- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy trình về an toàn, quy chế bảo dưỡng sửa chữa, định mức kinh tế kỹ thuật,... nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- Tăng cường công tác thông tin, dự báo thị trường nhằm phục vụ công tác kế hoạch, sắp xếp nguồn hàng, cân đối hàng tồn kho và tiêu thụ sản phẩm.

2. Giải pháp về Tài chính - Kế toán:

- Tập dụng tối đa nguồn vốn tín dụng của các tổ chức tài chính, nguồn vốn của Tổng Công ty, Tập đoàn, đảm bảo vốn cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát chặt chẽ giá thành, giá vốn đảm bảo chất lượng và giá sản phẩm hàng hóa dịch vụ ở mức hợp lý. Tổ chức kiểm tra, giám sát để chấn chỉnh kịp thời những vấn đề phát sinh.
- Rà soát lại các chi phí hoạt động để giảm chi phí và có thể giảm giá bán nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các thương hiệu khác và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi công nợ, có biện pháp thu hồi với những khách hàng có công nợ lớn, kéo dài.

3. Giải pháp về Đầu tư - Xây dựng, An toàn PCCN:

a. Giải pháp về Khoa học Công nghệ và Sản xuất:

- Tiếp tục nghiên cứu, duy trì và phát triển ứng dụng của khí thiên nhiên nén (CNG) trong giao thông vận tải và trong lĩnh vực công nghiệp ... thay thế cho các loại nhiên liệu khác.
- Nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, tiêu thụ LNG (cho giao thông vận tải cũng như công nghiệp), góp phần đưa LNG vào sử dụng như một dòng sản phẩm mới của Công ty.
- Lựa chọn, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ các công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Giải pháp về An toàn và Bảo vệ môi trường:

- Xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, xây dựng các chuẩn mực, ý thức thân thiện với thiên nhiên.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho CB-CNV nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.
- Bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng các công nghệ mới, phát triển các công nghệ tiết kiệm tài nguyên, nguyên liệu, năng lượng, thân thiện với môi trường.
- Duy trì, áp dụng hiệu quả và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng – Môi trường.

c. Các giải pháp đột phá:

- Có chính sách ưu tiên phát triển khoa học công nghệ, chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ.
- Tập trung nghiên cứu và phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ mang thương hiệu PV Gas South, hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ đối với các đối tác truyền thống để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho các CB-CNV có trình độ phù hợp.
- Tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát huy các khả năng sáng tạo của các CB-CNV trong việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Áp dụng các sáng kiến, cải tiến vào thực tiễn sản xuất kinh doanh.

4. Giải pháp về Tổ chức bộ máy:

- Quán triệt, thực hiện tốt công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, đảm bảo có được đội ngũ kế thừa cũng như lựa chọn được các cán bộ có đủ năng lực thực hiện công việc đảm nhiệm.
- Sắp xếp bố trí và sử dụng lao động hợp lý, không tuyển thêm lao động khi khối lượng công việc không tăng.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đề xuất nhân sự tham gia các khóa đào tạo đúng người phù hợp với yêu cầu từng chức danh công việc.
- Xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực trẻ, năng động sáng tạo.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ❖ Trách nhiệm với nhà đầu tư
- ❖ Trách nhiệm với người lao động
- ❖ Trách nhiệm với cộng đồng
- ❖ Trách nhiệm với môi trường



Năm của trách nhiệm và gắn kết lợi ích cộng đồng

Bên cạnh việc mở rộng phát triển hệ thống sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và cải thiện doanh thu, lợi nhuận thì việc hướng đến mục tiêu “Phát triển bền vững” với việc gắn kết lợi ích doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng trong đó có nhà đầu tư, người lao động và các chính sách bảo vệ môi trường là một trong những nền tảng thiết yếu cho sự phát triển dài lâu và vững mạnh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập và hiện đại ngày nay.

TRÁCH NHIỆM VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Đối với Công ty đại chúng như PV Gas South, việc duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các Cổ đông là điều vô cùng cần thiết và có ý nghĩa to lớn đối với sự duy trì và phát triển của Công ty. Để đạt được điều đó, trong năm qua, PVGas South đã luôn thực hiện quy trình công bố thông tin một cách minh bạch và chính xác, duy trì tốt kênh thông tin tương tác giữa Công ty và Nhà đầu tư thông qua các hoạt động sau:

- Tổ chức thành công Hội nghị thường niên Đại hội Cổ đông năm 2012-2013
- Thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 10/01/2010 và thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012. Theo đó, các Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên của Công ty luôn được công bố đúng hạn, đúng quy trình theo quy định.
- Các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản liên quan đến các cuộc họp của HĐQT luôn được cập nhật kịp thời, chính xác trên website của Công ty, giúp quý vị Cổ đông và Nhà đầu tư dễ dàng theo dõi.
- Công ty đang tiến hành hoàn thiện website bằng tiếng Anh cho Nhà đầu tư nước ngoài

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách khen thưởng, phúc lợi

Không chỉ tập trung tuyển dụng cá nhân có năng lực để phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, PV Gas South còn rất chú trọng trong việc chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho cán bộ-công nhân viên để họ có thể cống hiến hết mình cho Công ty.

Cụ thể, Năm 2013 đã thực hiện chế độ chính sách như sau:

Về thực hiện chế độ nghỉ phép theo qui định Nhà nước

Nghỉ phép	385 lượt người
Nghỉ không lương	02 lượt người
Nghỉ thai sản	09 lượt người
Nghỉ hưu	01 lượt người

Về chăm sóc sức khỏe y tế cho cán bộ-công nhân viên

Khám sức khỏe định kỳ cho 100% cán bộ công nhân viên. Trích nộp đầy đủ và kịp thời đóng BHXH, bảo hiểm y tế, mua bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật cho người lao động. Sau khi khám sức khỏe, người lao động được đánh giá, tư vấn sức khỏe; khi cần thiết người lao động được bố trí công việc phù hợp.

Về công tác an sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội luôn được các cấp lãnh đạo PV Gas South quan tâm thực hiện và được toàn thể cán bộ-công nhân viên nhiệt tình hưởng ứng. Trong quý I/2013, Công ty đã tặng quà cho cán bộ đã nghỉ hưu,

Chỉ đạo các đơn vị chăm lo Tết chu đáo cho toàn thể Cán bộ-Công nhân viên của đơn vị, đặc biệt quan tâm tới các Cán bộ - Công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.

Bên cạnh đó, Ban chấp hành Công đoàn còn tổ chức các hoạt động thiết thực chào mừng các ngày Quốc tế phụ nữ 08/3, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10, Ngày gia đình Việt Nam 28/6... tham gia Hội thi cắm hoa do Công đoàn Tổng Công ty tổ chức, đạt 1 giải Ba.

Tổ chức tặng quà nhân dịp Tết thiếu nhi 1/6 và Tết trung thu cho các cháu là học sinh giỏi các cấp I, II, III là con em Cán bộ - Công nhân viên trong Công ty. Ngoài ra, Công ty mẹ và Công ty thành viên còn tổ chức đi du lịch nước ngoài cho cán bộ, đoàn viên, công nhân viên đủ tiêu chuẩn theo quy chế tham quan du lịch hàng năm của Công ty.

Về điều kiện làm việc và các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh và các công tác khác thì Công đoàn Công ty đã phối hợp với chính quyền và các bộ phận liên quan đẩy mạnh công tác an toàn vệ sinh môi trường, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động đúng theo quy định của Nhà nước và tiêu chuẩn ngành Dầu khí.

Chú trọng tới công tác bồi dưỡng, huấn luyện thực tế về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Xây dựng mạng lưới AT-VSV là những lao động giỏi, có ý thức trách nhiệm để kiểm tra đôn đốc, giám sát và nhắc nhở người lao động thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm, nội dung an toàn lao động và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. Trong năm 2013 không có sự cố, tai nạn nào ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh của Công ty. Tham mưu với chính quyền phân công cán bộ làm công tác công đoàn tham gia công tác bảo hộ lao động.

Cùng với chính quyền kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới AT- VSV trong toàn Công ty, có chế độ phụ cấp hàng tháng (250.000 đồng/ người/ tháng).

Về tình hình thực hiện Quy chế dân chủ

Quy chế dân chủ của Công ty đã được ban hành và phổ biến cho toàn thể người lao động của Công ty và các tập thể, cá nhân thực hiện tốt quy chế này, cụ thể: Các chính sách, quy chế, quy định liên quan tới quyền lợi, lợi ích chính đáng của người lao động đều được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức như họp giao ban truyền đạt, thông báo trên mạng nội bộ, thông báo trên bảng tin tại nơi làm việc, tổ chức tuyên truyền trong sinh hoạt định kỳ của các tổ chức đoàn thể, từ đó người lao động chủ động tham gia góp ý, giám sát và triển khai thực hiện.

Các chính sách khác

Công ty đã thực hiện cấp phát bồi dưỡng hiện vật đầy đủ, đúng quy định cho người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại.

Công ty duy trì tổ chức bếp ăn tập thể phục vụ ăn trưa với chất lượng tốt cho Người lao động làm việc tại khối Điều hành và một số đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên góp phần cải thiện đời sống vật chất và đảm bảo an toàn sức khỏe cho Người lao động.

Thực hiện tốt về thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi của người lao động theo đúng thỏa ước LĐTT và quy định của Bộ luật lao động, cụ thể: Công ty đang áp dụng chế độ làm việc 40 giờ/tuần, trường hợp cần thiết cần huy động người lao động làm thêm giờ thì được tính làm thêm giờ hoặc đơn vị bố trí nghỉ bù theo quy định của pháp luật; các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định Người LĐ được hưởng đúng quy định trong thỏa ước LĐTT, nội quy lao động.

TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

“Trong năm 2013, Tổng số tiền đóng góp xã hội từ thiện gần 4 tỷ đồng”

Nhận thức được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, các hoạt động xã hội luôn được các cấp lãnh đạo của PV Gas South quan tâm thực hiện và được toàn thể Cán bộ - Công nhân viên nhiệt tình hưởng ứng.

Công đoàn Công ty đã chủ động phối hợp với lãnh đạo và chính quyền vận động 100% Cán bộ - Công nhân viên đóng góp “Quỹ tương trợ Dầu khí”, thường xuyên tổ chức thực hiện công tác an sinh xã hội, các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, ủng hộ đồng bào các tỉnh bị thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn...

Với tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau từ trái tim của người lao động, từ cơ quan Công ty đến các Công ty thành viên và các Chi nhánh trực thuộc, 100% Cán bộ - Công nhân viên tham gia đóng góp các quỹ và chương trình ủng hộ do Tập đoàn, Tổng Công ty phát động như:

- Chương trình “Xuân yêu thương”, quyên góp để ủng hộ cho các cháu khuyết tật tại cơ sở Thiên Phước tại quận 12, các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại bệnh viện Ung Bướu và trẻ em mồ côi tại chùa Diệu Pháp tỉnh Đồng Nai. Ủng hộ các gia đình Cán bộ - Công nhân viên bị thiệt hại trong cơn bão số 13, 14, 15.
- Tổ chức về nguồn Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn cho Công đoàn viên có thành tích xuất sắc.
- Tổ chức chương trình “Vì đàn em thân yêu”, trao quà và học bổng cho trẻ em nghèo tỉnh Bình Phước nhân ngày quốc tế thiếu nhi 1-6.
- Lập Quỹ ủng hộ phụ nữ nghèo
- Chương trình vì thể hệ trẻ Dầu Khí
- Chương trình ủng hộ quỹ nghĩa tình đồng đội
- Chương trình Quỹ tương trợ Dầu khí
- Ủng hộ đồng bào bão lụt miền Trung
- Ủng hộ Người thân của Công ty PV PIPE bị nạn trong vụ chìm tàu ở Cần Giờ
- Xây 06 nhà tình thương, tình nghĩa trao cho các gia đình nghèo tại địa phương (Như tỉnh Tây Ninh, Bạc Liêu, Bình Thuận, Cần Thơ, Quảng Ngãi, huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa- Vũng Tàu) mà các đơn vị đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Với đặc trưng kinh doanh các sản phẩm khí thì việc đảm bảo các công tác bảo vệ môi trường có ý nghĩa rất quan trọng trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận thức rõ điều này, Công ty đã áp dụng những Chính sách bảo vệ môi trường như sau:

- Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý Chất lượng – An toàn – Môi trường theo các tiêu chuẩn sau: ISO 9001: 2008, ISO 14001: 2004, OHAS 18001: 2007. Gần đây nhất, vào ngày 19/03/2013, Công ty đã đạt chứng nhận về Hệ thống quản lý tích hợp PAS 99: 2006 cho phạm vi Kinh doanh Khí hóa lỏng (LPG) và Khí thiên nhiên nén (CNG).
- Thông qua công ty con là CNG Việt Nam phổ biến sản phẩm CNG – nguồn năng lượng sạch tới khách hàng, trong năm 2013 Công ty đã ký mới nhiều hợp đồng, góp phần nâng cao sản lượng kinh doanh CNG và tỷ trọng đóng góp doanh thu mảng kinh doanh CNG đã tăng 5% so với năm trước. Các lợi ích về môi trường của sản phẩm CNG so với các sản phẩm khác:
 - + Tiết kiệm chi phí nhiên liệu do giá rẻ hơn các nhiên liệu khác, theo đó góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp;
 - + Giảm chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị so với việc sử dụng dầu FO, DO, than đá.
 - + Là nhiên liệu sạch không phát sinh những chất độc hại gây ô nhiễm môi trường khi cháy như CO₂, SO_x, NO_x.
 - + Hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao, kéo dài tuổi thọ thiết bị so với những nhiên liệu khác đang được sử dụng phổ biến hiện nay như dầu DO, FO, than đá...;
 - + An toàn do sử dụng thiết bị chất lượng cao phù hợp với các tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu, áp dụng quy trình quản lý và vận hành nghiêm ngặt; Ngoài ra, CNG nhẹ hơn không khí nên nhanh chóng bốc lên cao khi bị rò rỉ, do đó, hạn chế tối đa nguy cơ cháy, nổ do sự tích tụ khí.
- Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các luật pháp hiện hành và các yêu cầu khác về quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn Quốc tế nhằm hạn chế tối đa những rủi ro tiềm ẩn trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối các sản phẩm khí. Đồng thời Ban lãnh đạo và tập thể Cán bộ - Công nhân viên cam kết đảm bảo an toàn trong sản xuất, phòng ngừa và kiểm soát các nguy hiểm đến từ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, tác hại môi trường và chất lượng sản phẩm.

CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI PV GAS SOUTH



BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	77
Báo cáo kiểm toán độc lập	78
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	79
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	79
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	81
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	84 - 107



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Thắng	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thực	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2013)
Ông Hà Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

Deloitte.

Số: 294 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:**Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2014, từ trang 03 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

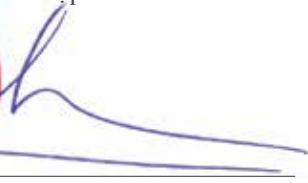
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

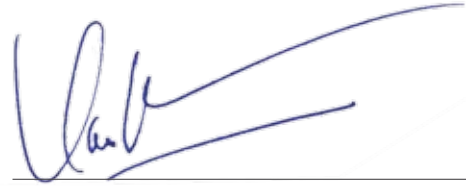
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Khúc Thị Lan Anh**
Phó Tổng Giám đốcChứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1**Thay mặt và đại diện cho****CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Văn Đình Khuê**
Kiểm toán viênChứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên, mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.739.387.652.331	1.189.828.581.077
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	593.788.148.573	443.037.391.545
1. Tiền	111		396.138.426.351	365.037.391.545
2. Các khoản tương đương tiền	112		197.649.722.222	78.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		68.100.000.000	68.900.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	68.100.000.000	68.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		818.641.363.203	529.046.716.511
1. Phải thu khách hàng	131		772.213.043.801	498.222.792.381
2. Trả trước cho người bán	132		23.479.641.119	11.246.322.385
3. Các khoản phải thu khác	135	7	29.781.151.337	25.788.437.105
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.832.473.054)	(6.210.835.360)
IV. Hàng tồn kho	140	8	204.115.247.651	123.513.687.406
1. Hàng tồn kho	141		211.786.602.674	123.513.687.406
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.671.355.023)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.742.892.904	25.330.785.615
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	22.311.050.665	10.463.596.523
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.997.988.667	9.220.764.067
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		42.489.133	2.082.821
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.391.364.439	5.644.342.204
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260+269)	200		1.330.340.806.819	1.731.513.185.228
I. Tài sản cố định	220		847.915.484.182	1.074.153.432.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	657.649.495.566	839.875.115.186
- Nguyên giá	222		1.468.293.466.900	1.346.196.852.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(810.643.971.334)	(506.321.737.383)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	117.401.685.038	171.444.164.015
- Nguyên giá	225		234.189.964.033	233.414.964.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(116.788.278.995)	(61.970.800.018)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	33.185.064.857	33.726.208.601
- Nguyên giá	228		36.020.641.112	36.004.517.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.835.576.255)	(2.278.308.861)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	39.679.238.721	29.107.944.870
II. Bất động sản đầu tư	240	14	-	762.243.170
- Nguyên giá	241		-	5.653.026.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(4.890.783.543)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	93.792.040.997
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	14.200.693.842
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	50.000.000.000	110.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(50.000.000.000)	(30.408.652.845)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		470.035.366.776	544.908.865.479
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	441.343.160.076	520.790.000.104
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	5.499.218.456	3.420.466.131
3. Tài sản dài hạn khác	268	18	23.192.988.244	20.698.399.244
V. Lợi thế thương mại	269	19	12.389.955.861	17.896.602.910
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.069.728.459.150	2.921.341.766.305

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.908.474.585.420	1.888.386.218.276
I. Nợ ngắn hạn	310		1.626.359.945.101	1.396.884.180.811
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	388.798.977.084	451.274.471.753
2. Phải trả người bán	312		1.133.610.987.533	839.772.121.469
3. Người mua trả tiền trước	313		905.719.905	936.485.680
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	7.152.855.220	27.926.748.400
5. Phải trả người lao động	315		21.379.723.508	22.035.290.575
6. Chi phí phải trả	316	22	31.303.283.667	18.861.514.099
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	37.147.568.020	22.438.319.770
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.060.830.164	13.639.229.065
II. Nợ dài hạn	330		282.114.640.319	491.502.037.465
1. Phải trả dài hạn khác	333	24	126.717.001.974	159.009.870.154
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	148.443.190.706	324.844.131.004
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	693.588.668
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	26	6.954.447.639	6.954.447.639
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		913.527.989.681	810.368.084.175
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	913.527.989.681	810.368.084.175
1. Vốn cổ phần	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.150.397.684	46.150.397.684
3. Vốn khác thuộc chủ sở hữu	413		5.846.098.031	5.846.098.031
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		268.171.579.832	173.944.441.032
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		46.979.534.491	38.787.923.044
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		166.380.379.643	165.639.224.384
C. LỢI ÍCH CŨ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	30	247.725.884.049	222.587.463.854
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		3.069.728.459.150	2.921.341.766.305

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Khí hóa lỏng - Kg)	1.916.351	1.108.431
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	135.190	323.326
- Euro (EUR)	943	1.122



Lưu Trọng Nghĩa
 Người lập biểu



Nguyễn Đăng Trình
 Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuận
 Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	7.057.523.937.754	6.466.850.190.849
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	155.530.739.889	91.911.185.716
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	6.901.993.197.865	6.374.939.005.133
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	5.805.957.804.596	5.390.866.557.226
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.096.035.393.269	984.072.447.907
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	34.789.625.407	40.301.377.633
7. Chi phí tài chính	22	34	80.967.663.643	145.368.245.550
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.850.944.252	117.545.628.974
8. Chi phí bán hàng	24		623.197.463.232	508.966.132.272
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		169.093.168.381	133.528.906.727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		257.566.723.420	236.510.540.991
11. Thu nhập khác	31		25.019.756.231	44.752.400.449
12. Chi phí khác	32		4.475.336.569	26.369.473.690
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	35	20.544.419.662	18.382.926.759
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào công ty liên kết	45		-	171.469.414
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		278.111.143.082	255.064.937.164
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	42.509.494.646	46.694.986.009
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(2.078.752.325)	(3.420.466.131)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		237.680.400.761	211.790.417.286
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	28	58.648.622.049	60.511.493.711
- Cổ đông của Công ty	62		179.031.778.712	151.278.923.575
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	4.711	3.981



Lưu Trọng Nghĩa
 Người lập biểu



Nguyễn Đăng Trình
 Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 03 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	278.111.143.082	255.064.937.164
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	316.561.757.976	263.072.058.646
- Các khoản dự phòng	03	27.884.339.872	27.756.317.487
- Lỗi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	118.026.833	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(31.423.122.792)	(38.208.043.976)
- Chi phí lãi vay	06	60.850.944.252	117.545.628.974
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	652.103.089.223	625.230.898.295
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(273.199.456.158)	104.458.994.884
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(54.974.708.792)	(48.347.303.500)
- Thay đổi các khoản phải trả	11	300.462.997.098	(228.994.840.342)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	74.274.207.611	(28.359.785.431)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(67.226.277.120)	(123.772.328.407)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(59.473.007.962)	(33.480.019.014)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	748.336.113	11.918.784.363
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(46.370.584.115)	(511.248.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	526.344.595.898	278.143.151.970
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(108.092.545.994)	(124.916.010.319)
2. Tiền thu từ thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	2.358.903.728	18.336.869.538
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(19.840.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	54.400.000.000	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(44.554.880.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.239.913.649	-
7. Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	28.135.868.148	45.778.875.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61.512.740.469)	(40.640.265.736)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu do Công ty con phát hành cổ phiếu cho cổ đông thiểu số	31	10.652.660.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	752.365.692.360	600.288.516.127
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(961.487.755.253)	(765.236.220.894)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(29.653.684.508)	(40.014.456.444)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(85.958.011.000)	(175.759.412.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(314.081.098.401)	(380.721.573.811)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	150.750.757.028	(143.218.687.577)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	443.037.391.545	586.256.079.122
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm (70=50+60)	70	593.788.148.573	443.037.391.545

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

- (i) Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định không bao gồm 2.181.331.595 đồng (năm 2012: 37.578.270.197 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm mà đã được trả trước cho người bán trong năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.
- (ii) Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm số tiền 60.868.690.270 đồng là khoản thu hồi dưới hình thức các tài sản khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần “Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh”.
- (iii) Thu nhập lãi tiền gửi không bao gồm số tiền 2.154.965.857 đồng (năm 2012: 4.041.180.116 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.
- (iv) Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán với số tiền là 1.049.241.594 đồng (năm 2012: 694.396.594 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lưu Trọng Nghĩa
Người lập biểu



Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty bao gồm Công ty mẹ và bốn công ty con:

Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 158.756.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi ngày 24 tháng 02 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty mẹ được điều chỉnh là 380.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Lầu 4, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty mẹ có các chi nhánh tại Cần Thơ, Nha Trang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Cà Mau, Gia Lai, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Ninh Thuận và Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 467 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 351 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ gồm:

Mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính Công ty); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 01 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

Các công ty con:

1. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (sau đây gọi tắt là “CNG Việt Nam”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Hoạt động chính của CNG Việt Nam là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG, quy mô 50.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyên đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.
2. Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “VT GAS”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm kể từ ngày 04 tháng 3 năm 1994 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 471023000142 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai cấp và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Hoạt động chính của VT Gas là tồn trữ khí hóa lỏng (LPG) và cung ứng cho các hộ tiêu thụ tại Việt Nam; thiết kế, lắp đặt và bảo trì các hệ thống thiết bị sử dụng LPG.
3. Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông (sau đây gọi tắt là “PV GAS SAIGON”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311024733 ngày 28 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của PV GAS SAIGON là mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tích trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 01 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

4. Công ty TNHH MTV Bình Khí Dầu Khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PV GAS CYLINDER”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602360598 ngày 01 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Hoạt động chính của PV GAS CYLINDER là sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho khí nén và khí hóa lỏng, khí đốt (bình chứa khí dầu mỏ khí hóa lỏng, trừ xi măng); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế); xây dựng nhà dành cho sản xuất công nghiệp; sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại (bình chứa khí dầu mỏ hóa lỏng); bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; bán buôn phân bón. Như trình bày tại Thuyết minh số 14 trong năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch giải thể PV GAS CYLINDER để chuyển đổi thành chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam trực thuộc Công ty. Hiện tại, PV GAS CYLINDER đang tiến hành các thủ tục giải thể theo quy định hiện hành.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị (*)	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 04
Tài sản cố định khác	03 - 04

(*) Máy móc, thiết bị bao gồm các tài sản, thuộc sở hữu của Công ty mẹ, sử dụng cho hoạt động kinh doanh khí CNG được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2013</u> Số năm	<u>2012</u> Số năm
Tài sản sử dụng cho hoạt động kinh doanh khí CNG	05	06

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của các tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính, thuộc sở hữu của Công ty mẹ, được sử dụng cho hoạt động kinh doanh khí CNG, từ 06 năm xuống 05 năm. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian hữu dụng mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty mẹ. Nếu thời gian hữu dụng trước đây (06 năm) được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm sẽ giảm với số tiền là 35.231.313.952 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ tăng với số tiền tương ứng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Lãi thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty trong trường hợp bên thuê có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê, hoặc trên thời gian đi thuê trong trường hợp thời gian này ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính theo chính sách kế toán của Công ty, cụ thể như sau:

	<u>2013</u> Số năm	<u>2013</u> Số năm
Máy móc, thiết bị (*)	05	06
Phương tiện vận tải	03 - 06	03 - 06

(*) Xem thuyết minh thay đổi thời gian khấu hao được nêu ở phần “**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**”.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu, phần mềm máy tính và giá trị quyền thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn và giá trị quyền thuê. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 09 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và lợi thế sử dụng đất, khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas

Giá trị của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 10 năm (năm 2012: 10 năm). Ảnh hưởng của sự thay đổi này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 24.

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị bộ chuyển đổi CNG và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng của các khoản chi phí trả trước dài hạn đó.

Phân bổ khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền ký quỹ, ký cược còn lại chưa phân bổ được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ

Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	14.706.401.700	10.619.731.492
Tiền gửi ngân hàng	381.001.511.076	354.417.660.053
Tiền đang chuyển	430.513.575	-
Các khoản tương đương tiền (*)	197.649.722.222	78.000.000.000
	<u>593.788.148.573</u>	<u>443.037.391.545</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn trong vòng 03 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 07% đến 09% (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 09%/năm với kỳ hạn là 03 tháng).

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền cho đại lý vay (1)	100.000.000	500.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	-	3.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (2)	8.000.000.000	65.300.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (3)	60.000.000.000	-
	<u>68.100.000.000</u>	<u>68.900.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (1) Tiền cho đại lý vay thể hiện khoản tiền bằng Đồng Việt Nam cho đại lý vay có thời gian đáo hạn trong năm 2014, với lãi suất được hưởng là 20,4% /năm (năm 2012: 20,4%/năm).
- (2) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất được hưởng từ 7% đến 8% /năm (năm 2012: 8% đến 11% /năm với kỳ hạn từ sáu tháng đến một năm).
- (3) Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện số tiền bằng đồng Việt Nam của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty con”) ủy thác quản lý vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (PVcomBank Sài Gòn) (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn) theo hợp đồng số 43/2012/UTCV/CNGVN-PVFCSG ngày 26 tháng 4 năm 2012 với thời hạn 24 tháng. Khoản tiền này được hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đối với các tổ chức kinh tế của PVcomBank Sài Gòn tại thời điểm ủy thác và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Hợp đồng tiền gửi này được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty mẹ tại PVcomBank Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 79/2012/HDTD-PVFCSG-PVGASSOUTH ngày 27 tháng 4 năm 2012 (xem Thuyết minh số 25).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng hóa cho mượn	1.221.844.323	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại PVFC đầu tư đã hết hạn	3.300.000.000	-
Lãi tiền gửi phải thu	2.154.965.857	4.041.180.116
Góp vốn hợp tác xây văn phòng (*)	11.374.000.000	11.374.000.000
Phải thu khác	11.730.341.157	10.373.256.989
	<u>29.781.151.337</u>	<u>25.788.437.105</u>

- (*) Đây là khoản góp vốn tạm thời của Công ty với Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (“PVGAS D”) để thực hiện dự án văn phòng làm việc tại Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty có trách nhiệm góp vốn phần nghĩa vụ còn lại sau khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán công trình được phê duyệt. Mọi quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan đến dự án sẽ được phân bổ theo tỷ lệ giá trị góp vốn bằng tiền sau khi dự án hoàn thành. Vào thời điểm cuối năm 2013, dự án này đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng từ đầu năm 2014. Tuy nhiên, PVGAS D chưa tiến hành lập hồ sơ bàn giao một phần tòa nhà văn phòng cho Công ty và Công ty chưa có đủ cơ sở để ước tính giá trị bàn giao. Giá trị văn phòng mà Công ty sở hữu dự kiến cao hơn so với số tiền đã góp vốn cho PVGAS D. Số tiền chênh lệch này sẽ được Công ty thanh toán khi nhận bàn giao một phần tòa nhà văn phòng từ PVGAS D. Theo đó, Công ty cũng thuyết minh vấn đề này ở Thuyết minh số 38 “Cam kết chi tiêu vốn”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	24.701.739.955	24.239.996.690
Nguyên liệu, vật liệu	48.834.368.929	27.378.458.649
Công cụ, dụng cụ	25.256.527.890	22.423.982.577
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.669.248.258	82.698.733
Thành phẩm	11.607.911.964	1.825.467.666
Hàng hóa	93.660.041.920	47.563.083.091
Hàng gửi đi bán	56.763.758	-
Tổng	<u>211.786.602.674</u>	<u>123.513.687.406</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.671.355.023)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>204.115.247.651</u>	<u>123.513.687.406</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí bảo hiểm	5.115.310.564	2.937.259.987
Công cụ, dụng cụ	2.850.531.687	1.391.958.682
Chi phí thuê đất	43.123.800	42.906.502
Thuê văn phòng, chi phí sửa chữa bình gas, phương tiện vận chuyển và thiết bị văn phòng	10.592.683.479	3.656.597.430
Chi phí khác	3.709.401.135	2.434.873.922
	<u>22.311.050.665</u>	<u>10.463.596.523</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tài sản cố định khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	348.144.346.224	674.221.882.745	288.766.528.547	11.639.234.675	23.424.860.378	1.346.196.852.569
Mua sắm mới	1.791.904.735	9.065.087.481	220.000.000	622.033.384	-	11.699.025.600
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.360.591.545	18.676.566.217	-	-	972.685.999	33.009.843.761
Nhận bàn giao từ công ty con (*)	9.623.380.291	69.979.129.007	2.447.623.696	147.779.150	-	82.197.912.144
Phân loại lại từ bất động sản đầu tư	5.653.026.713	-	-	-	-	5.653.026.713
Phân loại lại	891.213.485	(1.366.359.111)	659.027.015	-	-	183.881.389
Điều chỉnh theo Thông tư 45	(415.814.320)	(1.604.548.914)	(192.943.115)	(7.367.390.814)	(269.909.744)	(9.850.606.907)
Thanh lý, nhượng bán	-	(912.000.000)	-	-	-	(912.000.000)
Tăng khác	-	115.531.631	-	-	-	115.531.631
Tại ngày 31/12/2013	<u>379.048.648.673</u>	<u>768.175.289.056</u>	<u>291.900.236.143</u>	<u>5.041.656.395</u>	<u>24.127.636.633</u>	<u>1.468.293.466.900</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	77.798.382.869	240.900.822.806	160.528.895.883	7.962.771.974	19.130.863.851	506.321.737.383
Khấu hao trong năm	27.430.229.529	152.708.354.397	78.326.337.993	1.125.229.961	1.551.401.375	261.141.553.255
Nhận bàn giao từ công ty con (*)	6.075.794.044	37.430.018.350	2.021.947.535	103.612.477	-	45.631.372.406
Phân loại lại từ bất động sản đầu tư	4.890.783.543	-	-	-	-	4.890.783.543
Phân loại lại	(1.980.452.886)	1.834.005.685	182.944.878	(36.497.677)	-	-
Điều chỉnh theo Thông tư 45	(162.781.292)	(1.047.607.077)	(139.661.709)	(5.636.789.168)	(230.973.813)	(7.217.813.059)
Thanh lý, nhượng bán	-	(324.549.835)	-	-	-	(324.549.835)
Tăng khác	-	200.887.641	-	-	-	200.887.641
Tại ngày 31/12/2013	<u>114.051.955.807</u>	<u>431.701.931.967</u>	<u>240.920.464.580</u>	<u>3.518.327.567</u>	<u>20.451.291.413</u>	<u>810.643.971.334</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>264.996.692.866</u></u>	<u><u>336.473.357.089</u></u>	<u><u>50.979.771.563</u></u>	<u><u>1.523.328.828</u></u>	<u><u>3.676.345.220</u></u>	<u><u>657.649.495.566</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>270.345.963.355</u></u>	<u><u>433.321.059.939</u></u>	<u><u>128.237.632.664</u></u>	<u><u>3.676.462.701</u></u>	<u><u>4.293.996.527</u></u>	<u><u>839.875.115.186</u></u>

(*) Đây là nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định hữu hình mà Công ty mẹ nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam (Công ty con) khi công ty này thực hiện thủ tục giải thể như trình bày tại Thuyết minh số 14.

Như trình bày tại các Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 67.932.227.106 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 290.442.965.235 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 138.797.030.361 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 61.051.025.397 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	231.893.729.033	1.521.235.000	233.414.964.033
Tăng trong năm	775.000.000	-	775.000.000
Phân loại lại	(42.086.821.615)	42.086.821.615	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>190.581.907.418</u>	<u>43.608.056.615</u>	<u>234.189.964.033</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	60.604.192.770	1.366.607.248	61.970.800.018
Khấu hao trong năm	40.682.897.124	14.134.581.853	54.817.478.977
Phân loại lại	(14.104.364.947)	14.104.364.947	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>87.182.724.947</u>	<u>29.605.554.048</u>	<u>116.788.278.995</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u>103.399.182.471</u>	<u>14.002.502.567</u>	<u>117.401.685.038</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>171.289.536.263</u>	<u>154.627.752</u>	<u>171.444.164.015</u>

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Giá trị quyền thuê VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	28.778.156.884	1.464.370.376	1.473.982.956	4.288.007.246	36.004.517.462
Tăng trong năm	61.582.000	-	-	-	61.582.000
Điều chỉnh theo Thông tư 45	-	-	(45.458.350)	-	(45.458.350)
Tại ngày 31/12/2013	<u>28.839.738.884</u>	<u>1.464.370.376</u>	<u>1.428.524.606</u>	<u>4.288.007.246</u>	<u>36.020.641.112</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	633.342.821	404.582.617	1.240.383.423	-	2.278.308.861
Khấu hao trong năm	343.355.441	162.707.820	96.662.483	-	602.725.744
Điều chỉnh theo Thông tư 45	-	-	(45.458.350)	-	(45.458.350)
Tại ngày 31/12/2013	<u>976.698.262</u>	<u>567.290.437</u>	<u>1.291.587.556</u>	<u>-</u>	<u>2.835.576.255</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>27.863.040.622</u>	<u>897.079.939</u>	<u>136.937.050</u>	<u>4.288.007.246</u>	<u>33.185.064.857</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>28.144.814.063</u>	<u>1.059.787.759</u>	<u>233.599.533</u>	<u>4.288.007.246</u>	<u>33.726.208.601</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 27, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.904.603.332 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.945.338.826 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HĐTH ngày 28 tháng 6 năm 2010, tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.104.699.452 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.090.313.088 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bồn chứa CNG trong quá trình lắp đặt, chạy thử	11.590.692.360	-
Dự án cung cấp CNG cho giao thông vận tải	9.136.576.453	4.948.923.438
Xây dựng trạm CNG ở Đại học Quốc Gia	6.844.781.695	-
Công trình nội thất tòa nhà văn phòng	3.595.593.139	-
Công trình mở rộng trạm CNG Hiệp Phước	2.255.095.859	-
Trạm chiết nạp LPG Cần Thơ	2.968.057.218	2.968.057.218
Cải tạo trạm chiết Gia Lai	1.020.000.000	-
Cải tạo văn phòng trạm mẹ CNG Hiệp Phước	580.909.091	-
Công trình khác	1.687.532.907	1.670.200.000
Trạm chiết nạp LPG Quảng Trị	-	3.674.493.433
Trạm chiết nạp LPG Quảng Ngãi	-	2.860.940.910
Dự án cung cấp CNG cho Khách hàng Công nghiệp	-	1.666.235.616
Dự án cấp khí bằng đường ống	-	5.361.073.880
Công trình cải tạo trạm chiết Dakgas	-	5.958.020.375
	<u>39.679.238.721</u>	<u>29.107.944.870</u>

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	55,20%	55,20%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (1)	Đồng Nai	55,00%	55,00%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam (2)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh vỏ bình gas

(1) Theo Nghị quyết số 14/NQ-KMN ngày 10 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch mua lại 45% phần vốn góp tại Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam từ Công ty PTT Public. Kế hoạch này sẽ được hoàn thành trong năm 2014.

(2) Theo Nghị quyết số 13/NQ-KMN ngày 18 tháng 11 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch giải thể Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam để chuyển đổi thành chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam. Theo đó, chi nhánh này sẽ tiếp tục các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam.

Chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam đã được thành lập ngày 09 tháng 12 năm 2013, theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0305097236-028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 09 tháng 12 năm 2013.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam đã đóng tài khoản ngân hàng, chuyển giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả cho Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam đang tiến hành các thủ tục giải thể theo quy định hiện hành. Trong năm 2014, cơ quan thuế sẽ tiến hành quyết toán thuế trước khi đóng mã số thuế của Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny (1)	50.000.000.000	50.000.000.000
	<u>50.000.000.000</u>	<u>110.000.000.000</u>

(1) Thông tin chi tiết về Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	14%	14%	Cho thuê kho LPG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny và lập dự phòng giảm giá 100% cho khoản đầu tư này dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny. Chi tiết như sau:

	<u>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	30.408.652.845
Trích lập dự phòng trong năm	19.591.347.155
Tại ngày 31/12/2013	<u>50.000.000.000</u>

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (1)	347.753.326.508	405.783.427.399
Chi phí bảo trì bình gas	-	5.893.733.926
Trả trước tiền thuê đất và lợi thế sử dụng đất (2)	28.819.708.159	32.526.263.917
Chi phí cải tạo văn phòng	6.691.451.546	8.944.700.850
Giá trị bộ chuyển đổi khí CNG	9.068.829.516	11.572.396.189
Trả trước tiền thuê văn phòng (3)	44.455.285.321	45.406.200.515
Chi phí khác	4.554.559.026	10.663.277.308
	<u>441.343.160.076</u>	<u>520.790.000.104</u>

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	405.783.427.399	373.359.499.416
Tăng thêm trong năm	33.553.304.182	103.744.521.717
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(90.937.423.976)	(62.625.781.453)
Thanh lý	(645.981.097)	(8.694.812.281)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>347.753.326.508</u>	<u>405.783.427.399</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas, thuộc sở hữu của Công ty mẹ, từ 10 năm xuống 06 năm. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng vỏ bình gas của Công ty mẹ. Nếu thời gian phân bổ trước đây (10 năm) được tiếp tục sử dụng, chi phí phân bổ giá trị vỏ bình gas trong năm sẽ giảm với số tiền là 26.006.270.415 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ tăng với số tiền tương ứng.

(2) Trả trước tiền thuê đất và lợi thế sử dụng đất chủ yếu bao gồm:

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 6.675 m² được trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008;
- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Thành phố Cần Thơ phản ánh số tiền thuê 30.000 m² trả trước cho Công ty Xây dựng hạ tầng Khu Công Nghiệp Cần Thơ với thời hạn thuê là 35 năm kể từ năm 2009;
- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội, Tỉnh Bình Định phản ánh số tiền thuê 10.098 m² trả trước cho Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Sài Gòn Nhơn Hội với thời hạn thuê là 45 năm, từ ngày 18 tháng 3 năm 2011 đến ngày 21 tháng 6 năm 2056.
- Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 13.000m² cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 đến ngày 12 tháng 9 năm 2053.
- Tiền trả cho lợi thế sử dụng khu đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được phân bổ 36 tháng kể từ tháng 10 năm 2012.

(3) Tiền thuê văn phòng phản ánh số tiền thuê 670,02 m² được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm nay và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	-
Ghi tăng lợi nhuận	3.420.466.131
Tại ngày 31/12/2012	3.420.466.131
Ghi tăng lợi nhuận	2.078.752.325
Tại ngày 31/12/2013	5.499.218.456

18. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản ký quỹ dài hạn cho các công ty cho thuê tài chính liên quan đến việc thuê tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại
VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013

27.533.235.246

GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013

9.636.632.336

Phân bổ trong năm

5.506.647.049

Tại ngày 31/12/2013

15.143.279.385

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2013

12.389.955.861

Tại ngày 31/12/2012

17.896.602.910

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (1)	150.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (2)	50.000.000.000	40.000.000.000
Ngân Hàng Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình	-	50.000.000.000
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu	-	18.600.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	-	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	147.844.266.666	291.235.207.459
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	40.954.710.418	41.439.264.294
	<u>388.798.977.084</u>	<u>451.274.471.753</u>

(1) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng vay ngày 11 tháng 12 năm 2013 và ngày 26 tháng 12 năm 2013 để mua khí CNG dưới hình thức tín chấp. Các khoản vay này đáo hạn sau 02 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất tương ứng là 5.8%/năm và 5.9%/năm.

(2) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0147/KH/12NH ngày 29 tháng 10 năm 2012. Thời hạn vay từ ngày 26 tháng 12 năm 2013 đến ngày 27 tháng 01 năm 2014. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp với lãi suất là 6.75%/năm. Vốn vay được sử dụng để thanh toán tiền mua CNG cho Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	137.659.738	2.858.916.107
Thuế nhập khẩu	40.000	40.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.216.082.034	23.179.595.350
Thuế thu nhập cá nhân	799.073.448	1.888.196.943
	<u>7.152.855.220</u>	<u>27.926.748.400</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.858.916.107	108.688.294.503	(111.409.550.872)	137.659.738
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(2.082.821)	5.227.227.337	(5.227.227.337)	(2.082.821)
Thuế nhập khẩu	40.000	1.761.374.608	(1.761.374.608)	40.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.179.595.350	42.509.494.646	(59.473.007.962)	6.216.082.034
Thuế thu nhập cá nhân phải trả	1.888.196.943	14.610.304.345	(15.699.427.840)	799.073.448
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	-	-	(40.406.312)	(40.406.312)
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	694.038.039	(694.038.039)	-
Tổng cộng	27.924.665.579	173.490.733.478	(194.305.032.970)	7.110.366.087
Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(2.082.821)			(42.489.133)
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	27.926.748.400			7.152.855.220

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	5.286.154.480	11.661.487.348
Chi phí mua khí hóa lỏng	17.684.299.637	-
Khác	8.332.829.550	7.200.026.751
	31.303.283.667	18.861.514.099

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu bán hàng	22.706.311.530	13.365.591.937
Cổ tức phải trả	1.049.241.594	694.396.594
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.035.329.995	2.125.012.596
Các khoản khác	8.356.684.901	6.253.318.643
	37.147.568.020	22.438.319.770

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	159.009.870.154	158.944.937.604
Tăng thêm trong năm	18.534.400.000	35.863.642.456
Kết chuyển vào doanh thu	(29.305.176.962)	(15.795.149.676)
Kết chuyển vào thu nhập khác	(17.114.778.803)	(16.422.599.980)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ vỏ bình gas	(4.407.312.415)	(3.580.960.250)
Tại ngày 31 tháng 12	126.717.001.974	159.009.870.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vô hình gas nhận được từ khách hàng của Công ty mẹ, từ 10 năm xuống 06 năm, tương ứng với sự thay đổi thời gian phân bổ giá trị vô hình gas (xem Thuyết minh số 16). Nếu thời gian phân bổ trước đây (10 năm) được tiếp tục sử dụng, doanh thu từ phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vô hình gas nhận được từ khách hàng của Công ty mẹ trong năm sẽ giảm với số tiền là 12.982.986.914 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ giảm với số tiền tương ứng.

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	153.333.333.334	200.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	80.058.679.230	121.077.559.790
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	175.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	28.443.740.793
Tổng các khoản vay dài hạn	<u>233.392.012.564</u>	<u>524.521.300.583</u>
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	41.068.480.639	36.598.588.969
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	42.380.188.435	65.384.465.635
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	18.072.761.679	27.567.735.349
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	2.328.724.473	3.446.512.221
Tổng các khoản nợ dài hạn	<u>103.850.155.226</u>	<u>132.997.302.174</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	(147.844.266.666)	(291.235.207.459)
Nợ dài hạn đến hạn trả	(40.954.710.418)	(41.439.264.294)
Tổng cộng	<u>148.443.190.706</u>	<u>324.844.131.004</u>

Vay dài hạn

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn). Gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 233.392.012.564 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 496.077.559.790 đồng và 1.025.591 euro). Các khoản vay này có thời hạn từ 02 đến 05 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay là từ 7,5%/năm đến 15,5%/năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG, các bồn chứa khí, các kho chứa LPG tại Dung Quất, Gò Dầu và để mua cổ phần của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty con”). Một số khoản vay theo hình thức tín chấp. Một số khoản vay được thế chấp bằng khoản vốn ủy thác của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty con”) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (xem Thuyết minh số 06), nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi của Công ty (xem Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Nợ dài hạn

Nợ dài hạn của Công ty mẹ bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease và có thời hạn thuê từ 04 năm đến 05 năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam chịu lãi suất cho thuê từ 9,6%/năm đến 17%/năm. Lãi suất có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần (“TMCP”) Sài Gòn Thương Tín cộng với 4,5% - 05%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Á Châu cộng với 4,5%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với 4%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011, Công ty ký hợp đồng thuê năm (5) bồn chứa khí CNG composite với Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với thời hạn là 36 tháng. Tổng số tiền thuê là 42.674.535.360 đồng. Khoản thuê này chịu lãi suất theo lãi suất huy động bình quân của ba ngân hàng (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) cộng tỷ lệ phí thuê tài chính cố định 5%.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	147.844.266.666	291.235.207.459
Trong năm thứ hai	85.547.745.898	147.791.466.667
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	85.494.626.457
	233.392.012.564	524.521.300.583
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(147.844.266.666)	(291.235.207.459)
Số phải trả sau 12 tháng	85.547.745.898	233.286.093.124

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	49.374.705.610	58.704.828.156	40.954.710.418	41.439.264.294
Trong năm thứ hai	63.355.389.136	52.366.753.637	57.884.781.870	40.724.253.908
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.339.752.828	58.164.411.211	5.010.662.938	50.833.783.972
	118.069.847.574	169.235.993.004	103.850.155.226	132.997.302.174
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(14.219.692.348)	(36.238.690.830)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	103.850.155.226	132.997.302.174	103.850.155.226	132.997.302.174
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(40.954.710.418)	(41.439.264.294)
Số phải trả sau 12 tháng			62.895.444.808	91.558.037.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ được trích lập bởi Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty con”) từ năm 2012 để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam chưa có kế hoạch sử dụng Quỹ này.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	38.000.000	38.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	380.000.000.000	380.000.000.000
Cổ phiếu	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phiếu đó có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	134.000.000.000	35,26	134.000.000.000	35,26
Cổ đông khác (*)	246.000.000.000	64,74	246.000.000.000	64,74
	<u>380.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>380.000.000.000</u>	<u>100</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cổ đông khác bao gồm một cổ đông là Halley Sicav - Halley Asian Prosperity có vốn góp là 29.993.000.000 đồng, tương đương 7,89% vốn cổ phần của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	380.000.000.000	46.199.153.910	-	127.680.964.804	25.876.541.443	157.355.148.864	737.111.809.021
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	151.278.923.575	151.278.923.575
Chia cổ tức cho cổ đông Công ty mẹ	-	-	-	-	-	(41.800.000.000)	(41.800.000.000)
Chia cổ tức cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(68.607.926.682)	(68.607.926.682)
Phân phối quỹ	-	-	10.172.434.367	59.601.484.932	17.558.057.718	(87.331.977.017)	-
Phân phối quỹ cho cổ đông thiểu số	-	-	(4.326.336.336)	(13.338.008.704)	(4.646.676.117)	22.311.021.157	-
Điều chỉnh khác	-	(48.756.226)	-	-	-	32.434.034.487	32.385.278.261
Tại ngày 31/12/2012	380.000.000.000	46.150.397.684	5.846.098.031	173.944.441.032	38.787.923.044	165.639.224.384	810.368.084.175
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	179.031.778.712	179.031.778.712
Chia cổ tức cho cổ đông Công ty mẹ (1)	-	-	-	-	-	(45.600.000.000)	(45.600.000.000)
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	99.248.656.491	10.699.312.923	(109.947.969.414)	-
Phân phối quỹ cho cổ đông thiểu số	-	-	-	(5.021.517.691)	(2.507.701.476)	7.529.219.167	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	(29.971.873.206)	(29.971.873.206)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty (2)	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	380.000.000.000	46.150.397.684	5.846.098.031	268.171.579.832	46.979.534.491	166.380.379.643	913.527.989.681

- (1) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ đã công bố và chi trả cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012 với số tiền là 45.600.000.000 đồng.
- (2) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ Đầu tư Phát triển, Quỹ Dự phòng Tài chính, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi và Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2013, Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ/2013 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty con”) thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2013, Biên bản họp của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (Công ty con) thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	CNG <u>VND</u>	VT GAS <u>VND</u>	PV GAS SAIGON <u>VND</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Vốn cổ phần/điều lệ của công ty con	213.276.380.000	57.895.360.840	100.000.000.000
Trong đó:			
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	122.573.643.296	31.843.596.851	100.000.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>90.702.736.704</u>	<u>26.051.763.989</u>	<u>-</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>42,53%</u>	<u>45,00%</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Vốn cổ phần/điều lệ của công ty con	269.996.730.000	57.895.360.840	100.000.000.000
Trong đó:			
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	149.042.630.000	31.843.596.851	100.000.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>120.954.100.000</u>	<u>26.051.763.989</u>	<u>-</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>44,80%</u>	<u>45,00%</u>	<u>-</u>

(*) Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số ở Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Công ty con ("CNG") tăng lên từ 42,53% đến 44,80% vào ngày 16 tháng 10 năm 2013 do Công ty Cổ phần CNG Việt Nam phát hành thêm cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên.

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng giá trị tài sản thuần:

	CNG <u>VND</u>	VT GAS <u>VND</u>	PV GAS SAIGON <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Vốn cổ phần/điều lệ	90.702.736.704	26.051.763.989	-	116.754.500.693
Thặng dư vốn cổ phần	721.172.704	-	-	721.172.704
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	14.845.685.500	-	14.845.685.500
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.326.336.336	-	-	4.326.336.336
Quỹ đầu tư phát triển	18.289.116.078	-	-	18.289.116.078
Quỹ dự phòng tài chính	9.064.609.255	-	-	9.064.609.255
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	38.747.469.446	19.838.573.842	-	58.586.043.288
Tổng	<u>161.851.440.523</u>	<u>60.736.023.331</u>	<u>-</u>	<u>222.587.463.854</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	CNG <u>VND</u>	VT GAS <u>VND</u>	PV GAS SAIGON <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Vốn cổ phần/điều lệ	120.954.100.000	26.051.763.989	-	147.005.863.989
Thặng dư vốn cổ phần	721.172.704	-	-	721.172.704
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	14.845.685.500	-	14.845.685.500
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.326.336.336	-	-	4.326.336.336
Quỹ đầu tư phát triển	3.711.930.473	-	-	3.711.930.473
Quỹ dự phòng tài chính	11.572.310.731	-	-	11.572.310.731
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54.015.913.689	11.526.670.627	-	65.542.584.316
Tổng	<u>195.301.763.933</u>	<u>52.424.120.116</u>	<u>-</u>	<u>247.725.884.049</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh:

	CNG <u>VND</u>	VT GAS <u>VND</u>	PV GAS SAIGON <u>VND</u>	PV GAS CYLINDERS <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Năm 2012					
Lợi nhuận trong năm	117.926.239.165	23.017.601.693	16.674.856.874	-	157.618.697.732
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>50.154.029.517</u>	<u>10.357.464.194</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>60.511.493.711</u>
Năm 2013					
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	123.900.451.459	11.991.885.988	8.581.330.629	(2.811.969.075)	141.661.699.001
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>53.252.273.354</u>	<u>5.396.348.695</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>58.648.622.049</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí LPG và khí CNG. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, sản xuất và kinh doanh vỏ bình gas, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa bình gas, cho thuê kho. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (năm 2013 là 02 %, năm 2012 là 02%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 32 và số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

30. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu khí LPG	4.865.334.860.954	4.751.514.308.347
- Doanh thu khí CNG	2.042.641.132.063	1.565.196.782.560
- Doanh thu xăng dầu nhớt	99.020.334.756	117.322.396.402
- Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	29.305.176.962	15.795.149.676
- Doanh thu từ bán bình gas	3.955.658.636	-
- Doanh thu khác	17.266.774.383	17.021.553.864
	<u>7.057.523.937.754</u>	<u>6.466.850.190.849</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	(155.530.739.889)	(91.911.185.716)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>6.901.993.197.865</u>	<u>6.374.939.005.133</u>

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Giá vốn kinh doanh khí LPG	4.337.129.108.474	4.273.675.376.434
Giá vốn kinh doanh khí CNG	1.296.493.380.186	957.806.998.397
Giá vốn kinh doanh xăng dầu nhớt	96.139.102.707	114.272.262.967
Phân bổ vỏ bình gas	68.743.502.954	42.054.623.520
Giá vốn kinh doanh bình gas	3.829.003.029	-
Giá vốn hoạt động khác	3.623.707.246	3.057.295.908
	<u>5.805.957.804.596</u>	<u>5.390.866.557.226</u>

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	581.747.005.680	437.603.026.547
Chi phí nhân công	172.739.470.208	158.267.290.179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.384.941.668	261.151.554.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	410.983.504.951	340.309.224.545
Chi phí khác	88.316.155.394	87.789.867.814
	<u>1.568.171.077.901</u>	<u>1.285.120.963.980</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.149.653.889	38.037.967.853
Thu nhập từ bán cổ phiếu	2.662.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	2.484.263.919	-
Cổ tức được chia	100.000.000	320.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	529.327.521	1.943.409.780
Khác	2.864.380.078	-
	<u>34.789.625.407</u>	<u>40.301.377.633</u>

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	60.850.944.252	117.545.628.974
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	19.308.248.502	26.820.754.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	466.874.157	822.234.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	118.026.833	-
Khác	223.569.899	179.627.989
	<u>80.967.663.643</u>	<u>145.368.245.550</u>

35. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	614.655.149	17.666.561.924
Thu từ dịch vụ quản lý kho	4.031.782.332	4.261.782.336
Thu từ tiền đặt cọc vô bình do thanh lý hợp đồng	-	2.807.640.250
Phân bổ tiền ký quỹ, ký cược vô bình gas	17.114.778.803	16.422.599.980
Thu nhập khác	3.258.539.947	3.593.815.959
Tổng	<u>25.019.756.231</u>	<u>44.752.400.449</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	587.450.165	17.816.485.801
Giá trị còn lại của vô bình gas thanh lý	-	2.984.047.992
Chi phí khác	3.887.886.404	5.568.939.897
Tổng	<u>4.475.336.569</u>	<u>26.369.473.690</u>
Lợi nhuận khác	<u>20.544.419.662</u>	<u>18.382.926.759</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	278.111.143.082	255.064.937.164
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(104.470.929)	(543.798.710)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	45.264.877.226	57.323.520.905
Thu nhập chịu thuế	323.271.549.379	311.844.659.359
<i>Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 10%</i>	<i>137.557.275.964</i>	<i>142.210.873.339</i>
<i>Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 12,5%</i>	<i>141.398.410.437</i>	<i>113.113.687.016</i>
<i>Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 25%</i>	<i>44.315.862.978</i>	<i>56.520.099.004</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	42.509.494.646	42.490.322.962
<i>Thuế TNDN bổ sung cho kinh doanh CNG năm 2009</i>	-	548.630.471
<i>Thuế TNDN bổ sung cho kinh doanh CNG năm 2011</i>	-	3.158.706.890
<i>Thuế TNDN bổ sung cho năm 2007 và 2008</i>	-	497.325.686
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.509.494.646	46.694.986.009

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG hiệu chỉnh số 49221000148 ngày 06 tháng 6 năm 2011, hoạt động kinh doanh khí CNG được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010 để được hưởng ưu đãi miễn thuế cho năm 2010. Theo đó, năm 2013 được xem là năm thứ tư hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế. Vì thế, Công ty mẹ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (Công ty con) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo thuế suất 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 06 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam, Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông, Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam (các công ty con) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	179.031.778.712	151.278.923.575
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	179.031.778.712	151.278.923.575
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.000.000	38.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.711	3.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Di dời chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam

Theo Nghị quyết số 15/NQ-KMN ngày 13 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch di dời chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam từ Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai đến Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Tổng mức đầu tư cho kế hoạch này là 40 tỷ đồng được tài trợ 30% bằng vốn chủ sở hữu và 70% bằng vốn vay. Kế hoạch này sẽ được thực hiện trong năm 2014.

Xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc

Như trình bày tại Thuyết minh số 7, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản cam kết chi tiêu vốn liên quan đến một phần giá trị tòa nhà văn phòng làm việc ở Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải trả cho Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.

39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>9.001.432.273</u>	<u>8.055.919.334</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	7.328.842.969	6.457.498.192
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.675.201.148	5.142.794.442
Sau năm năm	<u>8.858.290.000</u>	<u>9.029.370.000</u>
	<u>22.862.334.117</u>	<u>20.629.662.634</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê văn phòng, thuê đất và thuê xe như sau:

- Thuê văn phòng tại Tỉnh Quảng Ngãi: hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.
- Thuê các văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh: hợp đồng thuê được ký với thời hạn trong vòng năm 05 năm.
- Thuê 10.000m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam theo hợp đồng thuê số 41/HDT/TLD/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007.
- Thuê 13.180m² đất tại cảng Đồng Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam từ ngày 01 tháng 5 năm 2007 đến ngày 30 tháng 4 năm 2008 và sẽ tăng hàng năm với tỷ lệ là 1% cho đến ngày 30 tháng 4 năm 2012. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 20 năm tính từ năm 1994.
- Thuê 5.000m² đất tại Khu Công nghiệp Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam: hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 13 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2002.
- Thuê 100m² đất tại Tỉnh Quảng Trị: hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 01 tháng 3 năm 2014.
- Thuê xe: các hợp đồng thuê xe được ký với thời hạn từ 03 năm đến 04 năm tính từ năm 2011 và năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như trình bày ở Thuyết minh số 20 và 25 trừ đi tiền và các khóa tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay và nợ	537.242.167.790	776.118.602.757
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(593.788.148.573)</u>	<u>(443.037.391.545)</u>
Nợ thuần	-	333.081.211.212
Vốn chủ sở hữu	<u>913.527.989.681</u>	<u>810.368.084.175</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>0,41</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	593.788.148.573	443.037.391.545
Các khoản đầu tư tài chính	68.100.000.000	148.491.347.155
Phải thu khách hàng và phải thu khác	782.565.877.761	506.426.394.126
Các khoản ký quỹ	<u>27.693.698.335</u>	<u>22.536.209.335</u>
Tổng	<u>1.472.147.724.669</u>	<u>1.120.491.342.161</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.170.569.139.350	860.614.123.095
Chi phí phải trả	31.303.283.667	18.861.514.099
Các khoản vay	537.242.167.790	776.118.602.757
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>126.717.001.974</u>	<u>159.009.870.154</u>
Tổng	<u>1.865.831.592.781</u>	<u>1.814.604.110.105</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm có rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	22.507.834.332	6.680.258.146	2.913.637.581	10.006.539.237
Euro (EUR)	706.948.286	1.000.005.087	27.386.320	29.429.044.908

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ và Euro.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 03% so với Đô la Mỹ và 10% so với Euro. Tỷ lệ thay đổi 03% và 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 03% và 10% thay đổi của tỷ giá đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 03% và tỷ giá Euro so với đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì biến động tỷ giá không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 10.744.843.356 đồng (năm 2012: 15.522.372.055 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc đánh giá rằng, tại ngày kết thúc niên độ kế toán, rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện ở số dư khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Trên 5 năm <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	593.788.148.573	-	-	593.788.148.573
Các khoản đầu tư tài chính	68.100.000.000	-	-	68.100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	782.565.877.761	-	-	782.565.877.761
Các khoản ký quỹ	4.500.710.091	23.192.988.244	-	27.693.698.335
Tổng	1.448.954.736.425	23.192.988.244	-	1.472.147.724.669
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.169.519.897.756	-	-	1.169.519.897.756
Chi phí phải trả	31.303.283.667	-	-	31.303.283.667
Các khoản vay	388.798.977.084	148.443.190.706	-	537.242.167.790
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	126.717.001.974	126.717.001.974
Tổng	1.589.622.158.507	148.443.190.706	126.717.001.974	1.864.782.351.187
Chênh lệch thanh khoản thuần	(140.667.422.082)	(125.250.202.462)	(126.717.001.974)	(392.634.626.518)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

<u>31/12/2012</u>	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản tài chính	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.037.391.545	-	-	443.037.391.545
Các khoản đầu tư tài chính	68.900.000.000	79.591.347.155	-	148.491.347.155
Phải thu khách hàng và phải thu khác	506.426.394.126	-	-	506.426.394.126
Các khoản ký quỹ	1.837.810.091	20.698.399.244	-	22.536.209.335
Tổng cộng	1.020.201.595.762	100.289.746.399		1.120.491.342.161
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	860.614.123.095	-	-	860.614.123.095
Chi phí phải trả	18.861.514.099	-	-	18.861.514.099
Các khoản vay	451.274.471.753	324.844.131.004	-	776.118.602.757
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	159.009.870.154	159.009.870.154
Tổng cộng	1.330.750.108.947	324.844.131.004	159.009.870.154	1.814.604.110.105
Chênh lệch thanh khoản thuần	(310.548.513.185)	(224.554.384.605)	(159.009.870.154)	(694.112.767.944)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình do hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh 43. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (“Công ty mẹ”) và các công ty khác trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty mẹ của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	431.749.015.633	302.865.216.146
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	77.786.607.141	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	20.833.563.759	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	3.695.800.471	4.261.782.338
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	2.269.235.794	1.255.252.724
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.811.106.032	1.742.310.317
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.773.693.354	2.480.067.954
Nhà máy đạ Mỹ	1.663.480.090	1.499.578.182
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	1.072.013.572	3.381.089.171
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	1.003.197.315	1.287.840.204
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	816.133.784	912.068.633
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	787.629.746	203.271.801.725
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	312.094.382	156.203.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu	247.112.307	12.682.148.173
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Biển	28.683.037	120.747.354
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	24.079.091	1.125.697.876
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	-	510.141.600
Mua hàng và dịch vụ		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	2.133.856.373.618	1.611.843.437.644
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.612.059.152.046	2.705.237.637.103
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	1.080.610.762.761	744.705.288.759
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	199.947.517.899	8.704.043.808
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Vũng Tàu	65.665.409.083	87.016.803.636
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	24.897.903.781	102.929.807.818
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sunlife	23.010.000.000	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Phí nhãn hiệu)	2.009.574.743	3.618.104.578
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Dầu Khí Biển	1.734.786.901	1.521.602.595
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	933.274.679	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	671.179.001	855.366.022
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	450.720.909	658.525.909
Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:		
	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và thưởng	6.997.439.437	5.640.186.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	82.878.854.580	26.327.420.937
Công ty Cổ phần TMDV Dầu khí Miền Trung	449.605.182	218.622.060
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	369.580.047	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Gas Đô thị	273.681.000	135.280.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	243.400.585	121.224.400
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	224.542.560	388.120.725
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	68.213.154	225.761.048
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	68.038.260	64.487.525
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	52.028.600	30.395.794
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	29.334.270	22.802.750
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	-	11.039.000
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	11.374.000.000	11.374.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí	-	8.322.775
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	1.090.877.209	1.090.877.209
PVFC Đầu tư	3.300.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Phải trả

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	476.449.999.765	222.078.317.215
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	329.870.333.759	268.178.564.520
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	197.445.394.217	302.308.348.438
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn)		
- <i>Vay dài hạn và ngắn hạn</i>	<i>153.333.333.333</i>	<i>200.000.000.000</i>
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ Dầu Khí Biển	488.706.312	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	219.470.901	657.066.463
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	31.522.060	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Trung	27.600.000	84.936.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
- <i>Vay dài hạn và ngắn hạn</i>	<i>-</i>	<i>175.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	-	5.288.289.441
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	1.294.168.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	78.408.552
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	326.363.054
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	768.126.145
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	85.300.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại
		2012	2012	2012
		VND	VND	VND
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.441.716.178.351	25.134.012.498	6.466.850.190.849
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	66.777.173.218	25.134.012.498	91.911.185.716
		<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

43. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 03 tháng 3 năm 2014.



Lưu Trọng Nghĩa
 Người lập biểu



Nguyễn Đăng Trình
 Kế toán trưởng




Đoàn Văn Nhuộm
 Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

1. CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Cảng Gò Dầu A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành,
Tỉnh Đồng Nai
Tel : (061) 3543949 * Fax : (061) 3543948

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô II.5, II.6, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới,
Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ
Tel : (0710) 3843064 - 3843067
Fax : (0710) 3843063 - 3843066

CHI NHÁNH TIỀN GIANG

Cụm CN, Tiểu Thủ CN Tân Mỹ Chánh, Phường 9,
Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Tel : (073) 3958455 * Fax : (073) 3958445

CHI NHÁNH VĨNH LONG

138C Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, Thị xã Vĩnh Long,
Tỉnh Vĩnh Long
Tel : (070) 3877276 * Fax : (070) 3877276

CHI NHÁNH CÀ MAU

18/4 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Tp. Cà Mau,
Tỉnh Cà Mau
Tel : (0780) 3552991 * Fax : (0780) 3552991

CHI NHÁNH NHA TRANG

157, Tổ 2, P. Xóm Núi, Xã Vĩnh Phương, Tp. Nha Trang
Tel : (058) 3725112 - 3725222
Fax : (058) 3725113

CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI

Tầng 3 tòa nhà Petrosetco, 01 An Dương Vương,
Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
Tel : (055) 3718182 - 3718183 * Fax : (055) 3718185

CHI NHÁNH NINH THUẬN

414 Ngô Gia Tự, TP. Phan Rang, Tháp Chàm,
Tỉnh Ninh Thuận

CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

Lô D601, Khu CN Nhơn Hội A,
Xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Tel : (056) 3590168 * Fax : (056) 3590169

CHI NHÁNH GIA LAI

Lô D4 Khu Công Nghiệp Trà Đa,
Xã Trà Đa, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
Tel : (059) 3735678 * Fax : (059) 3735123

CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

Thôn 8, Xã Hòa Phú, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Tel : (0500) 3949123 * Fax : (0500) 3842842

NHÀ MÁY BÌNH KHÍ

Địa chỉ: Ấp Thanh Hóa, Xã Hố Nai 3,
Trảng Bom, Đồng Nai
Tel: (061) 3674320 * Fax: (061) 3674319

CHI NHÁNH & CÔNG TY THÀNH VIÊN

2. CTY TNHH MTV KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN ĐÔNG

45-47 Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
Tel: (08) 62955608 - 62955609 - 62955345 - 39855546
Fax: (08) 38941550 - 39856481 - 39855543

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2,3 tòa nhà PVGas Tower, Số 61B Đường 30/4,
Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu
Tel : (064) 3597225 - 3834766 * Fax : (064) 3591386

CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC

Lô G, Đường N4, KCN Bắc Đồng Phú, TT. Tân Phú,
Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Tel : (0651) 3826228 * Fax : (0651) 3826229

CHI NHÁNH TÂY NINH

262 Nguyễn Lương Bằng, Ấp Trường Đức,
Xã Trường Đông, H. Hòa Thành, T. Tây Ninh
Tel : (066) 3845455 * Fax : (066) 3845495

3. CTY TNHH MTV KHÍ HÓA LỎNG VIỆT NAM (VT-GAS)

Cảng Đồng Nai, P. Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (061) 3831988 * Fax: (061) 3832008
Email: info@vt-gas.com.vn
Website: www.vt-gas.com.vn

Văn phòng đại diện:

Phòng 606, Tòa nhà Waseco, Số 10 Phố Quang, P. 2,
Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 39976821 - 39976822
Fax: (08) 39976823

4. CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

CNG Vietnam Joint Stock Company
Lầu 7, Gas Tower, Số 61B Đường 30/4,
Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Tel: (064) 3574635 - 3574801 - 3576551 * Fax: (064) 3574619

Nhà máy: Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Đường số 15,
Huyện Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tel: (064) 3923928 * Fax: (064) 3923929

Email: info@cng-vietnam.com
Website: www.cng-vietnam.com





Trụ sở chính: Lầu 4 Petrovietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 39100108 - Fax: (84-8) 39100097 - Website: www.pgs.com.vn